

TC 33(V312)5  
Đ 455 N

# ĐỒNG NAI

## TIỀM NĂNG VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

**DONG NAI Province - Potentiality & Investment Opportunity**

**1993**

# ĐỒNG NAI

## TIỀM NĂNG VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

---

### DONG NAI Province – Potentiality & Investment Opportunity 1993

## MỤC LỤC

- Lời giới thiệu
- Lời nói đầu
- A. Giới thiệu chung tỉnh Đồng Nai và các ngành
- B. Giới thiệu 8 đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai
- C. Năng lực các đơn vị doanh nghiệp quốc doanh (116 đơn vị)
- D. Năng lực các đơn vị đầu tư nước ngoài (22 đơn vị)
- E. Các dự án ưu tiên đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:
- F. Giới thiệu nội dung hoạt động và hình ảnh của các đơn vị SX-KD trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
- G. Danh mục các đơn vị doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- H. Phụ lục - Chỉ dẫn tra cứu

## LỜI GIỚI THIỆU

*Ủy ban Kế hoạch Tỉnh Đồng Nai đã tổ chức thu thập tư liệu, biên soạn và phát hành cuốn sách “Đồng Nai - Tiềm năng và Cơ hội đầu tư” vào thời điểm mà nền kinh tế thị trường đang đòi hỏi bức bách phải mở rộng quan hệ kinh tế đối mới công nghệ nhằm đẩy mạnh các hoạt động sản xuất - kinh doanh.*

*Đồng Nai là tỉnh có nhiều tiềm năng chưa được khai thác, hiện đang thu hút sự chú ý của các nhà đầu tư từ nhiều nước.*

*Mong muốn cuốn sách này là phương tiện hỗ trợ thiết thực giúp các nhà đầu tư, các doanh nhân, các cơ sở sản xuất, các cơ quan quản lý, tư vấn, dịch vụ tìm kiếm cơ hội làm ăn, trao đổi mua bán công nghệ và tìm hiểu về Đồng Nai.*

*Cuốn sách cần được tiếp tục cải tiến, bổ sung nội dung, đây là yêu cầu cần thiết đối với các cơ quan lãnh đạo và nghiệp vụ trong Tỉnh cũng như đối với các đơn vị được giới thiệu*

*Mong rằng cuốn sách sẽ có tác dụng tốt và vị trí xứng đáng trong nhiều cho quản lý và nghiên cứu của đông đảo độc giả.*

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
HUỲNH VĂN BÌNH**

# LỜI NÓI ĐẦU

Chính sách mở cửa và đổi mới nền kinh tế của Việt Nam qua một thời gian đã có sức hấp dẫn đối với các nước trên nhiều nhà đầu tư quan tâm. Tuy nhiên, khách nước ngoài muốn tìm cơ hội làm ăn cùng với Đồng Nai lại chưa có nhiều tư liệu để hiểu về vùng đất và con người ở đây, cũng như chưa có đủ thông tin để biết tường tận về nguồn tài nguyên và sức hấp dẫn của chúng đối với cuộc sống khi Đồng Nai cùng cả nước hòa nhập vào cộng đồng quốc tế.

Đứng trước yêu cầu trên, với mong muốn giới thiệu một cách tổng quát về tiềm năng và các hoạt động kinh tế của tỉnh nhằm thúc đẩy nhanh hơn nữa quá trình gọi vốn hợp tác đánh đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Ủy ban kế hoạch Tỉnh Đồng Nai với sự cộng tác của Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thu thập thông tin và biên soạn cuốn sách: “ĐỒNG NAI – TIỀM NĂNG VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ”.

Sách được biên tập theo phương pháp thông tin KHKT, ngắn gọn và đầy đủ gồm:

- Các bài tổng quan về Đồng Nai, tiềm năng về công nghiệp, nông - lâm nghiệp, thủy sản, giao thông vận tải, xây dựng và thương mại - du lịch.
- Thông tin chỉ dẫn về công nghệ của hầu hết các doanh nghiệp của mọi thành phần kinh tế hiện có trên địa bàn Tỉnh Đồng Nai.
- Giới thiệu các địa phương, các đơn vị sản xuất, kinh doanh ở Đồng Nai
- Các dự án ưu tiên đầu tư đã và sẽ được thực hiện trong giai đoạn từ nay đến năm 2000

Chúng tôi chân thành cảm ơn các xí nghiệp, nhà máy, công ty, các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn của Tỉnh đã nhiệt tình đóng góp thông tin cũng như giúp đỡ cho tập nhiều này

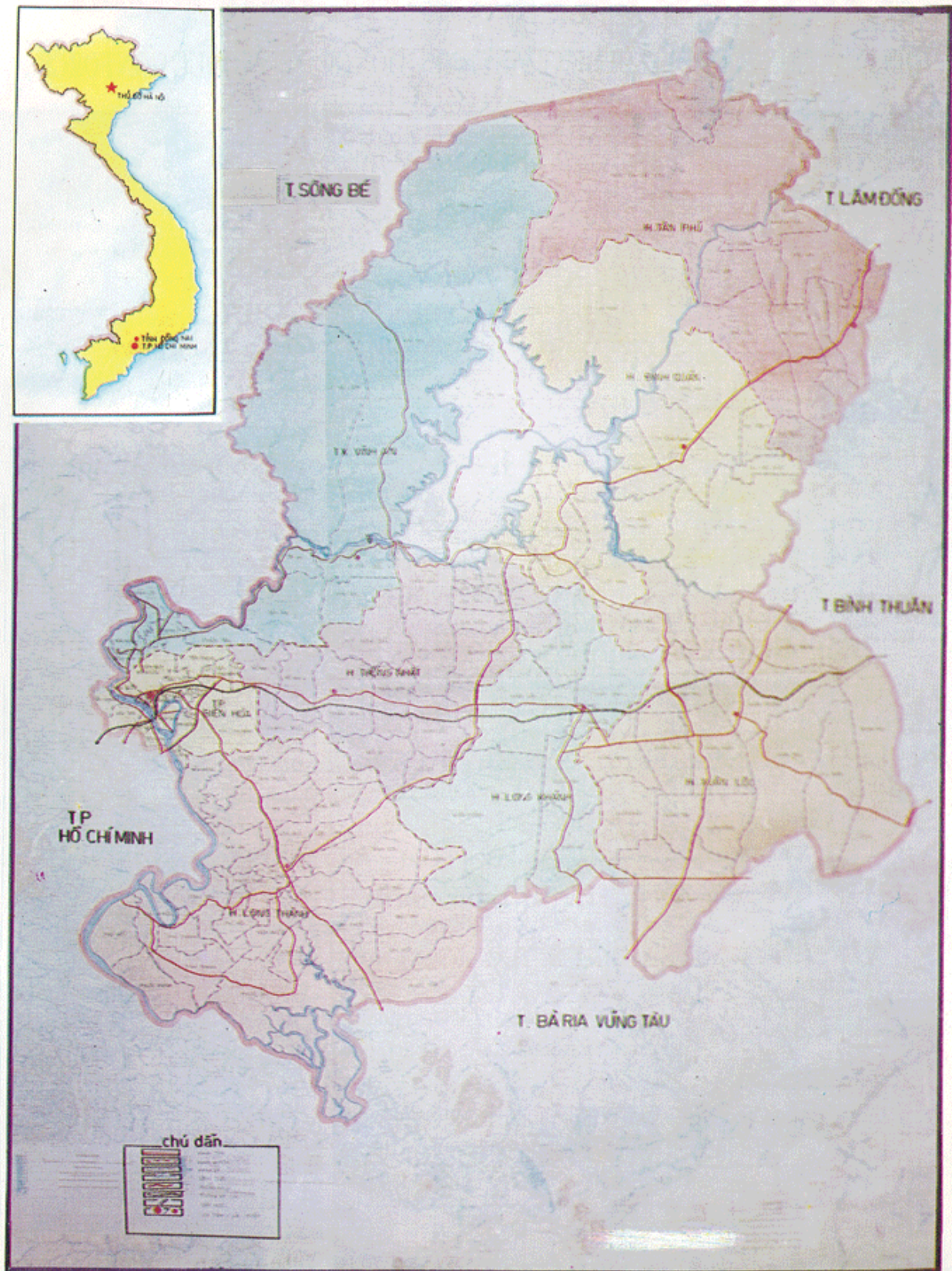
Chân thành cảm ơn Tỉnh ủy, ủy ban Nhân dân Tỉnh cùng các Sở, Ngành, ủy ban Nhân dân các Huyện, Thị xã, Thành phố đã góp ý kiến cũng như tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành tập tư liệu này.

Vì đây là công việc mới mẻ, kinh nghiệm rất hạn chế do vậy sẽ không tránh được thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu của các bạn đọc trong và ngoài nước.

**ỦY BAN KẾ HOẠCH TỈNH ĐỒNG NAI**

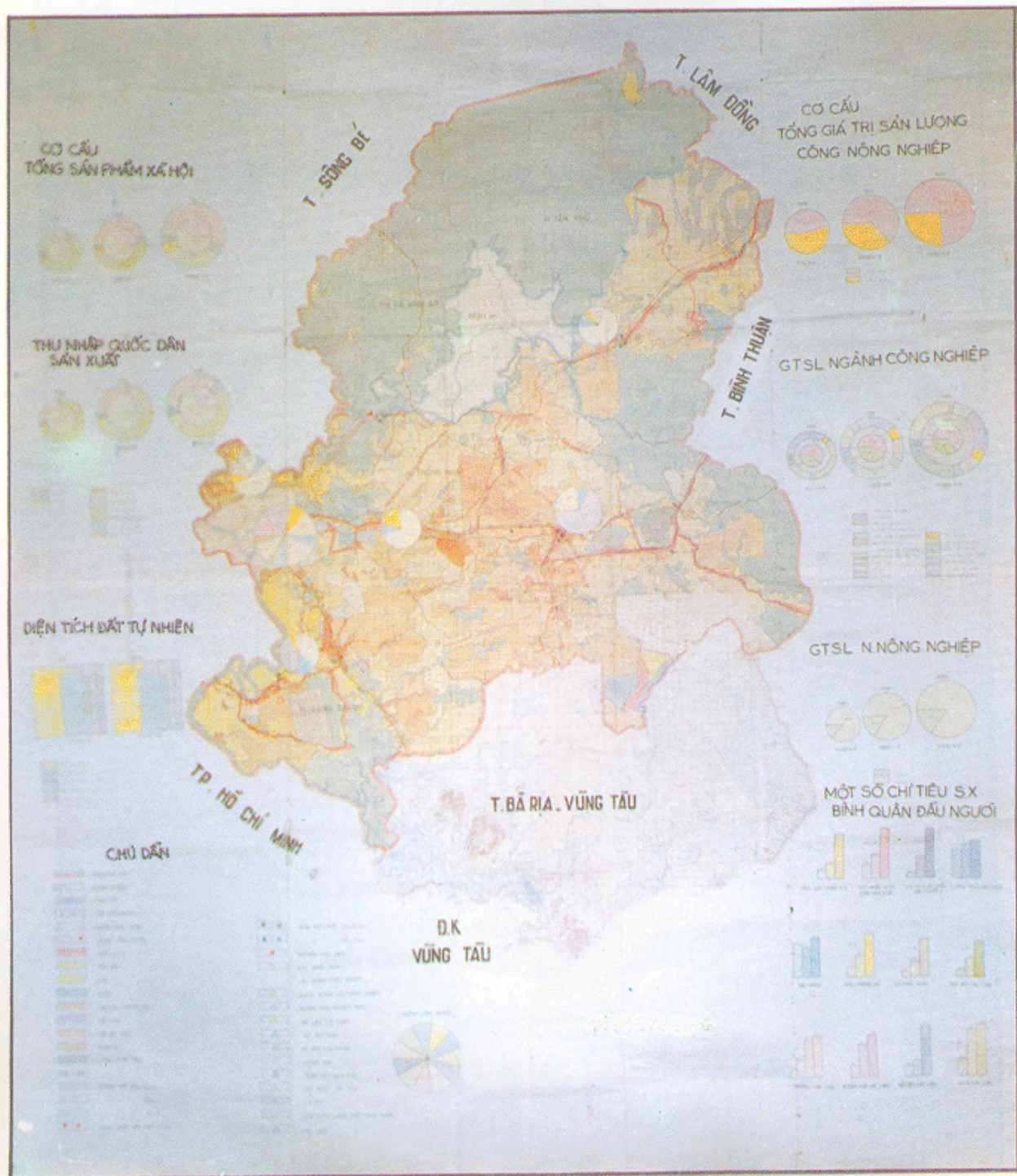
# BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI

## ADMINISTRATIVE MAP OF DONG NAI PROVINCE



# PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN & PHÂN BỐ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

ORIENTATION FOR DEVELOPMENT & DISTRIBUTION OF THE PRODUCTION FORCE



## **GIỚI THIỆU CHUNG TỈNH ĐỒNG NAI VÀ CÁC NGÀNH**

- Khái quát về Đồng Nai
- Tổng quan về các ngành :
  - Công nghiệp
  - Nông Lâm Thủy sản
  - Xây dựng
  - Giao thông Vận tải
  - Thương mại & Du lịch
- Bản đồ:
  - Hành chính tỉnh Đồng Nai
  - Phương hướng phát triển & phân bố lực lượng sản xuất
  - Mạng lưới giao thông - thủy lợi
  - Sơ đồ định hướng tổ chức và khai thác không gian hành lang quốc lộ 51

## **ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI TỈNH ĐỒNG NAI**

### **I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**

#### **1 - Vị trí:**

Tỉnh Đồng Nai nằm ở phía Nam của nước Việt Nam và ở miền Đông Nam Bộ:

- Đông giáp Tỉnh Bình Thuận
- Đông Bắc giáp Tỉnh Lâm Đồng
- Tây Bắc giáp Tỉnh Sông Bé
- Nam giáp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh

#### **2- Diện tích và dân số**

Đồng Nai có diện tích tự nhiên 5.864 km<sup>2</sup>, với số dân đến năm 1991 là 1.697.219 người. Mật độ dân số 290 người/km<sup>2</sup>. Nơi có mật độ đông nhất là Thành phố Biên Hòa 2.072 người/km<sup>2</sup> và nơi có mật độ dân số thấp nhất là Thị xã Vĩnh An : 80 người/km<sup>2</sup>

#### **3- Tổ chức hành chính:**

Tỉnh Đồng Nai chia làm 8 đơn vị hành chính, gồm 1 Thành phố, 1 Thị xã và 6 Huyện là: Thành phố Biên Hòa (cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 30 km về phía Đông Bắc theo Quốc lộ 1) là trung tâm chính trị kinh tế và văn hóa - xã hội của Tỉnh ; Thị xã Vĩnh An: nơi có công trình thủy điện Trị An, là công trình thủy điện lớn nhất các tỉnh phía Nam; 6 Huyện là Huyện Thống Nhất, Huyện Định Quán, Huyện Tân Phú, Huyện Long Khánh, Huyện Xuân Lộc và Huyện Long Thành

#### **4- Địa hình:**

Địa hình Đồng Nai là dạng địa hình trung du, chuyển tiếp từ cao nguyên Nam Trung bộ đến đồng bằng Nam Bộ. Độ cao trung bình dưới 100m so với mặt nước biển. Độ cao có xu hướng thấp dần từ Đông Bắc sang Tây Nam. Có 3 dạng địa hình chính là:

- Địa hình đồng bằng : thuộc vùng hạ là các sông, độ cao trung bình 5-10m

- Địa hình vùng đồi: là địa hình đặc trưng của Tỉnh, có độ cao trung bình trên 45m. Đồi thường có đỉnh tròn dốc thoải sắp xếp theo dạng bát úp có xen kẽ những thung lũng rộng, đại bộ phận có dạng luồn sóng và bị phân cắt nhiều

- Dạng địa hình núi thấp: độ cao trên 300m. Độ dốc lớn hơn 25°. Diện tích loại này chỉ chiếm dưới 2% diện tích tự nhiên.

### **5- Thổ nhưỡng:**

Đất Đồng Nai có 7 nhóm đất, trong đó đất đỏ bazan trung tính, đất đỏ vàng, đất xám bạc màu và đất phù sa là 4 nhóm đất chính chiếm 80% diện tích tự nhiên của Tỉnh. Còn lại các nhóm đất khác không phổ biến là đất đen, đất phèn mặn và đất phèn

### **6- Nguồn nước và thủy văn:**

#### *a. Nguồn nước mặt:*

Do nằm trong vùng chuyển tiếp nên Đồng Nai có mật độ sông suối dày. Toàn tỉnh có gần 40 sông, suối lớn nhỏ, trong đó đáng kể nhất là sông Đồng Nai, sông La Ngà, sông Thị Vải, sông Đồng Tranh, sông Buông... Một số đặc trưng chính của Đồng Nai:

- Tổng diện tích lưu vực của các sông suối (P/v) : 22.000 km<sup>2</sup>

- Tổng lượng nước đến (Md): 20 tỷ m<sup>3</sup>/năm

- Lưu lượng bình quân (Qbq) : 485 m<sup>3</sup>/s

- Lưu lượng mùa kiệt : 54 m<sup>3</sup>/s

Hiện tại các công trình thủy lợi, thủy điện đã có trong Tỉnh giữ lại được khoảng 2,9 tỷ m<sup>3</sup> nước để phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát điện và còn lại gần 17,1 tỷ m<sup>3</sup> nước đổ ra biển theo các sông. Trong sản xuất nông nghiệp vẫn rất cần nước, đặc biệt vào mùa khô

#### *b. Nước ngầm:*

Qua khảo sát điều tra của ngành Địa chất, Đồng Nai được đánh giá là vùng có nước ngầm khá dồi dào và chia thành 3 vùng:

- Vùng 1 : (phía Bắc tỉnh) : nước ngầm tầng trên dao động từ 5-20m. Lưu lượng bình quân 40 - 50 m<sup>3</sup>/h

- Vùng 2: (Phía Tây và dọc sông Đồng Nai): Mực nước ngầm xuất hiện ở độ sâu 20m, lưu lượng bình quân 30-40 m<sup>3</sup>/h. Khu vực ven sông Đồng Nai mực nước tính từ 2,5-3m. Lưu lượng bình quân 5 - 10 m<sup>3</sup>/h

- Vùng 3: (phía Đông và Đông Nam) : Được coi là vùng nghèo nước ngầm và nước mặt nhất Tỉnh. Ở độ sâu 20m, có nơi tới 40 m chỉ đạt lưu lượng 3-6m<sup>3</sup>/h

Nhìn chung chất lượng nước khá tốt. Hiện nay nước ngầm đã được khai thác ở tầng trên để phục vụ sinh hoạt và sản xuất (nhất là vùng trồng cà phê)

### **7. Khí hậu - thời tiết:**

#### *a. Nhiệt độ không khí*

Nhiệt độ trung bình hàng năm 25,4°C - 27,2°C. Nhiệt độ cao tuyệt đối 30,8°C. Nhiệt độ thấp tuyệt đối 20,5°C. Những tháng có nhiệt độ bình quân cao nhất từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau

#### *b. Độ ẩm không khí*

Độ ẩm bình quân hàng năm 83,5%. Mùa mưa (tháng 5 - tháng 11) có độ ẩm cao. Độ ẩm thấp vào mùa khô, có khi dưới 70%

*c. Lượng mưa:* Trung bình từ 1.800mm – 1.860mm/năm. Lượng mưa phân bố không đều theo thời gian và không gian. Mưa tập trung và phân bố tương đối đều trong 6 tháng mùa mưa (tháng 5 - tháng 11), nhưng không đồng nhất giữa các khu vực. Phía Bắc của Tỉnh bắt đầu mưa sớm nhưng chấm dứt muộn và lượng mưa lớn (trên 2000 mm/năm), vùng phía Nam mưa muộn và chấm dứt sớm, lượng mưa khá thấp (1.500mm/năm). Trong mùa mưa lượng mưa chiếm trên 90% lượng mưa cả năm.

*d. Gió:* Hướng gió chủ yếu trong năm là Tây - Tây Nam và Bắc - Đông Bắc. Gió Tây Tây Nam thổi trong mùa mưa với vận tốc trung bình 3,5m/giây. Gió Bắc - Đông Bắc thổi từ tháng 11 năm trước đến tháng 2 năm sau với vận tốc trung bình 2,4m/giây. Là khu vực ít có lốc hay bão

## II- TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI:

### 1 - Dân số và lao động:

Tỉnh Đồng Nai là một đơn vị hành chính có dân số thuộc loại cao trong 50 Tỉnh, Thành cả nước.

Tỉnh Đồng Nai có dân số 1.697.219 người. Trong đó: Nam 834.561 người, Nữ 866.837 người

Dân số Tỉnh Đồng Nai dự tính năm 1992 là: 1.744.400 người, trong đó: Nam 857.760 người, Nữ 886.640 người

### DÂN SỐ 13 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC TRONG CÁC NGÀNH KTQD TỈNH ĐỒNG NAI (SỐ LIỆU ĐIỀU TRA 01.4.1989)

| NGÀNH KINH TẾ                        | TỔNG SỐ        |
|--------------------------------------|----------------|
| <b>TỔNG SỐ</b>                       | <b>664.554</b> |
| 1 - Công nghiệp                      | 85.555         |
| 2- Xây dựng                          | 13.387         |
| 3- Nông nghiệp                       | 462.103        |
| 6- Bưu điện Thông tin liên lạc       | 6.695          |
| 5- Giao thông vận tải                | 11. 278        |
| 4- Lâm nghiệp                        | 373            |
| 7- Thương nghiệp - Cung ứng vật tư   | 48.942         |
| 8- Sản xuất vật chất khác            | 109            |
| 9- Nhà ở, phục vụ sinh hoạt, du lịch | 4.933          |
| 10- Khoa học và PVKH                 | 520            |
| 11- Giáo dục - Đào tạo               | 14.118         |
| 12- Văn hóa - Nghệ thuật             | 967            |
| 13- Y tế - BHXH - TĐTT               | 5.105          |
| 14- Tài chính - Tín dụng - BHNN      | 2.171          |
| 15- Quản lý Nhà nước                 | 4.943          |
| 16- Không sản xuất vật chất khác     | 1411           |
| 17- Không xác định ngành             | 1.944          |

### 2- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội:

Thời kỳ 1986 - 1990 là thời kỳ khó khăn nhất của nền kinh tế, tốc độ bình quân của tổng sản phẩm xã hội là 3,1 %, thu nhập quốc dân 1,2%. Trong năm 1990 giá trị sản lượng công nghiệp chiếm gần 38% tổng sản phẩm xã hội

Trên địa bàn Tỉnh Đồng Nai có 45 đơn vị kinh tế của Trung ương, trên 50% đơn vị sản xuất, kinh doanh của địa phương và 29 đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động theo nhiều loại ngành nghề khác nhau

Từ năm 1991 nền kinh tế có những chuyển biến đáng kể. Năm 1991 so với tổng sản phẩm xã hội đã tăng 5,9% và thu nhập quốc dân tăng 3,3% Năm 1992 các chỉ số này đều có mức tăng cao hơn nhờ có cơ chế đổi mới và nhờ các công trình hợp tác đầu tư với nước ngoài đi vào sản xuất. Cơ cấu ngành công nghiệp tính trong tổng sản phẩm xã hội tăng lên. Ngành dịch vụ du lịch gần đây cũng có bước phát triển đáng kể nhất là tăng về cơ sở vật chất và doanh thu hàng năm

## III- KẾT CẤU HẠ TẦNG:

### A. KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT:

#### 1- Điện:



Sử dụng nguồn điện chung của toàn hệ thống điện miền Nam, trong đó Đồng Nai là một trong những nơi tiêu thụ lớn. Đến năm 1992 trên địa bàn Đồng Nai có:

- Nhà máy Thủy điện Trị An công suất 400 MW có sản lượng 1,7 tỷ KWH/năm
- Nhà máy Diesel Hóa An, công suất 5 MW, có sản lượng 14 triệu KWH/năm, được hòa chung trong mỗi điện quốc gia

Đồng Nai được cấp điện qua Trạm khu vực Long Bình 220/110/15 KV, có công suất 125 MVA

Hệ thống các Trạm trung gian 110/15 KV, 110/35/10 KV, 10/15 KV, 35/15 KV, 6,3/15 KV với tổng công suất 217,6 MVA cung cấp điện lưới đến các hộ tiêu thụ trong Tỉnh. Tổng chiều dài lưới điện trên địa bàn Tỉnh gồm có: Lưới 220 KV là 170 Km, 110 KV là 130 Km, 35 KV là 90 Km, 15 KV là 400 Km

Đến năm 1992 điện năng tiêu thụ của Đồng Nai hơn 400 triệu KWH. Phục vụ chủ yếu cho sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt của nhân dân (bình quân điện sinh hoạt đạt 60KW/người/năm)

## **2- Cấp thoát nước:**

Đồng Nai có hai Nhà máy cấp nước Biên Hòa và Long Khánh với tổng công suất 30000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong đó khoảng 80% cho sinh hoạt và dịch vụ, 20% dùng cho sản xuất. Hệ thống ống dẫn chủ yếu phân bổ cho 9 Phường thuộc Thành phố Biên Hòa và khu vực Thị trấn Long Khánh với tổng chiều dài trục ống 70 Km

Hệ thống thoát nước đã bị xuống cấp nên việc tiêu thoát nước chậm, đặc biệt trong mùa mưa. Hướng tới việc đầu tư nâng cao công suất cấp nước và mở rộng công suất cấp nước hiện có là một trong những ưu tiên đầu tư và gọi vốn đầu tư nước ngoài

## **3- Thông tin liên lạc:**

Mạng điện thoại nội hạt Đồng Nai có 2300 máy. Tất cả các Huyện Thị, Thành phố Biên Hòa đã trực tiếp thông qua Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh liên lạc được với các tỉnh trong cả nước và một số nước trên thế giới

Đến tháng 01/1993 số điện thoại nội hạt đạt 5560 máy thực hiện thuê bao gọi trực tiếp cho trong nước và quốc tế

## **4- Giao thông vận tải:**

### *a. Cầu, cống, đường bộ*

Tỉnh Đồng Nai quản lý 930 chiếc cầu cống với 2710 m dài

Tổng km đường bộ trên lãnh thổ Đồng Nai là 956,77 km. Trong đó do Trung ương quản lý 220,87 km, địa phương quản lý 736,9 km

Các tuyến liên tỉnh tỉnh lộ, hương lộ, gao thông nông thôn tương đối thuận lợi trong việc lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân

### *b. Đường sông :*

Có Sông Đồng Nai với dòng chính dài hơn 101 km được nối với Sông Nhà Bè và chảy ra Biển Đông, có luồng tuyến rộng, sâu bảo đảm cho tàu có trọng tải lớn ra vào thuận lợi

### *c. Cảng, bến bãi:*

Đã xây dựng, tổ chức một hệ thống cảng sông biển, bến bãi tương đối hoàn thiện, đó là cảng Đồng Nai cho tàu 2000 tấn cập bến với công suất 325.000 tấn hàng xuất nhập khẩu mỗi năm

### *d. Đường sắt:*

Tổng độ dài đường sắt đi qua địa bàn Đồng Nai dài 87,5 km nằm trên tuyến Bắc - nam, nối liền Bình Thuận - Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh

### *e. Sân bay:*

Đồng Nai có sân bay Biên Hòa là một trong những sân bay lớn của cả nước

## **B. KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI:**

### **1- Y tế:**

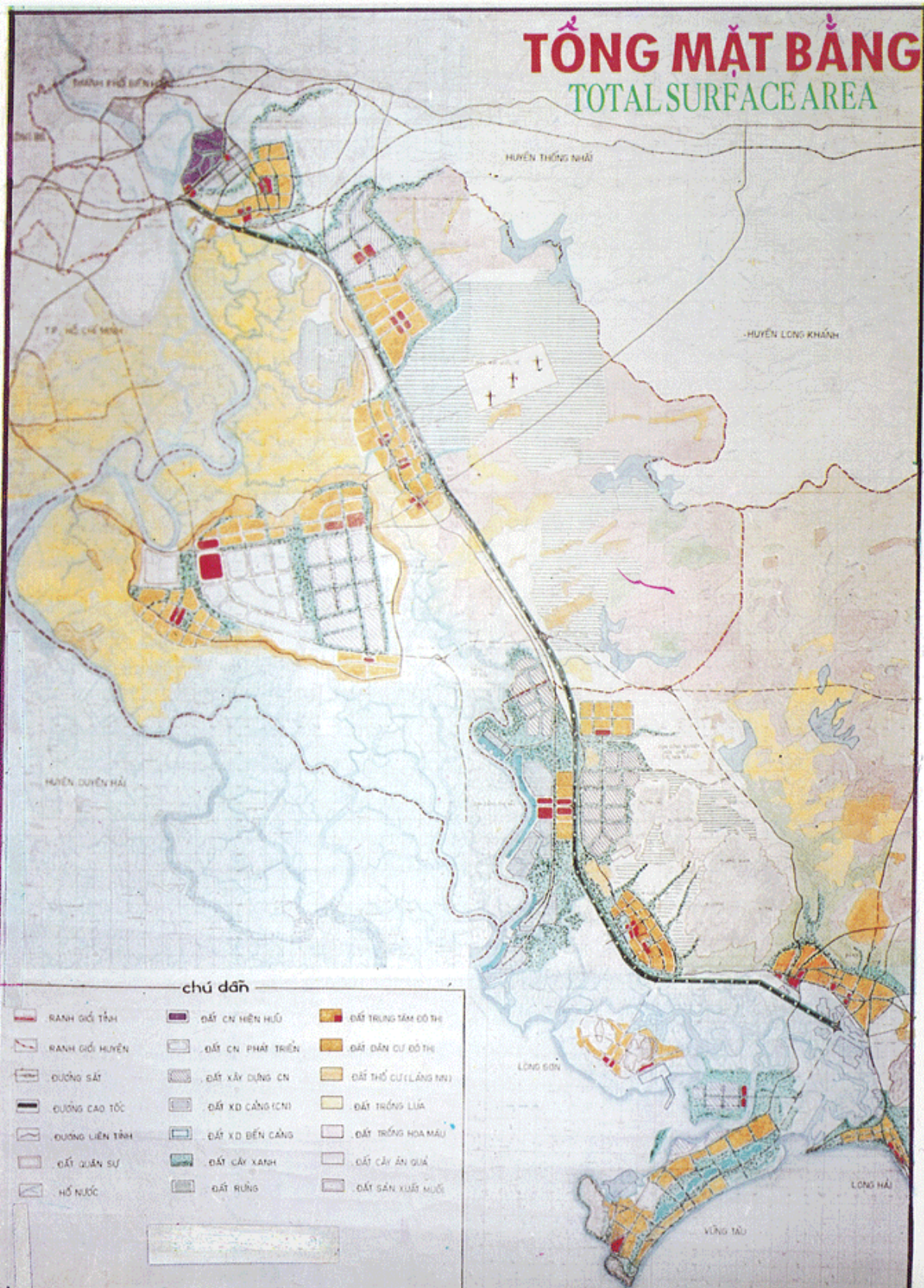
# MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG THỦY LỢI

## NETWORK OF COMMUNICATIONS & IRRIGATIONS



# SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC & KHAI THÁC KHÔNG GIAN HÀNH LANG QUỐC LỘ 51

SCHEMA OF THE ORIENTATION FOR THE ORGANISATION  
& EXPLOITATION OF ROUTE 51'S AIR SPACE



Các cơ sở y tế Đồng Nai được bố trí trên 3 tuyến. Trong đó tuyến Xã, Phường có 115 trạm xá với 625 giường; tuyến Huyện, Thị, Thành phố Biên Hòa có 6 bệnh viện và 11 phòng khám khu vực với 570 giường; tuyến Tỉnh có 7 bệnh viện với 1810 giường. Ngoài ra còn có 8 trung tâm y tế, 8 đội vệ sinh phòng dịch do Huyện, Thị, Thành phố quản lý, 5 Trung tâm chuyên khoa đầu ngành do Tỉnh quản lý và 3 bệnh viện (Tâm Thần, 7B, Công Ty Cao su Đồng Nai) do Trung ương quản lý

## **2- Giáo dục - Đào tạo:**

Đồng Nai có 88 nhà trẻ, 150 trường mẫu giáo, 296 trường phổ thông (8397 lớp học) với 321.125 học sinh, trong đó có 1.306 học sinh hệ bán công, 983 học sinh hệ dân lập, 1 trường cao đẳng, 5 trường trung học, 1 trường sơ cấp và 3 trường dạy nghề. Ngoài ra Tỉnh còn có nhiều trường chuyên nghiệp đào tạo nhiều ngành nghề do Trung ương quản lý.

## **3- Văn hóa:**

Đồng Nai hiện có 8 rạp hát và rạp chiếu bóng, 6 thư viện, 28 câu lạc bộ và nhà văn hóa, một số đài phát thanh. Đang xây dựng và chuẩn bị đưa vào sử dụng một đài truyền hình.

## **4- Thể dục, thể thao:**

Hầu hết các Huyện, Thị, Thành phố Biên Hòa đều có sân bóng đá, bể bơi, nhà luyện tập, song qui mô nhỏ mang tính chất phong trào. Sân vận động Tỉnh có sức chứa 3 vạn người xem có thể tổ chức thi đấu quốc gia và quốc tế

## **KẾT LUẬN:**

Có thể nói Đồng Nai là một tỉnh có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất và du lịch. Nằm trong vùng có điều kiện khí hậu ôn hòa ít chịu ảnh hưởng của bão lụt. Đất đai phì nhiêu màu mỡ rất thích hợp cho việc phát triển các vùng sản xuất công nghiệp ngắn và dài ngày, cây hoa màu và cây lương thực. Tiềm năng về rừng lớn, hiện nay còn khu vực rừng nguyên sinh Nam Cát Tiên với diện tích trên 35.000 ha đang được quản lý dưới dạng rừng cấm Quốc gia. Đồng Nai có tiềm năng lớn về sản xuất vật liệu xây dựng, có các nghề truyền thống như nghề gốm, nghề thủ công mỹ nghệ...

Cơ sở vật chất kỹ thuật được tập trung ở Biên Hòa. Khu Công nghiệp Biên Hòa có cơ cấu các ngành. Công nghiệp khá đầy đủ, quy mô vừa và lớn, trình độ công nghệ và thiết bị khá hiện đại; Hiện tại và tương lai khu công nghiệp này là mắt xích quan trọng của trục công nghiệp vùng Nam bộ: Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu là một trong những vùng có đóng góp lớn cho sự phát triển nền công nghiệp nước nhà

Từ Biên Hòa mở ra mạng lưới giao thông lớn với các Quốc lộ 1, 20, 51 đi tới mọi miền, là cửa ngõ phía Đông của vùng Nam bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Sông Đồng Nai chảy qua Thành phố Biên Hòa đổ ra sông Nhà Bè (là sông chính vào cảng TP.HCM) tạo điều kiện thuận lợi phát triển giao thông thủy, tàu bè trọng tải 2000 tấn có thể vào tới Biên Hòa. Diện tích mặt nước hồ ao rất lớn, trong đó có mặt hồ Trị An rộng gần 32.000 ha tạo điều kiện phát triển nuôi trồng thủy sản và du lịch. Trong Tỉnh có nhiều danh lam thắng cảnh, có nhiều di tích lịch sử tạo điều kiện phát triển ngành du lịch

Đồng Nai có điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp, do ưu thế về nền móng vững chắc, gần vùng nguyên liệu, gần các thị trường lớn, giao thông thuận lợi. Trong những năm qua, Đồng Nai đã cùng với cả nước vươn lên nhiều mặt.

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới của Tỉnh đã được xác định rõ là tiếp tục ổn định và phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, mở rộng quan hệ kinh tế trong và ngoài nước, chú trọng đến phát triển hợp tác đầu tư với nước ngoài tại các Khu Công nghiệp Biên Hòa, Khu Công nghiệp Long Bình, Khu Công nghiệp Thành Tuy Hạ và Phước Thái. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Phấn đấu mức tăng tổng sản phẩm xã hội trong giai đoạn tới đạt trên 10%/năm. Tạo môi trường tốt để gọi vốn đầu tư của nước ngoài, phát triển ngành du lịch, dịch vụ phục vụ tốt nhất sinh hoạt ở các đô thị mới, các

khu công nghiệp sắp hình thành, tạo được cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp và dịch vụ. Về mặt xã hội, tuy còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất nhưng nhìn chung đã đáp ứng được cơ bản nhu cầu học tập và chữa bệnh cho nhân dân

Với tiềm năng và triển vọng phát triển kinh tế - xã hội như trên, Đồng Nai có thể được xem là một Tỉnh mạnh, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, để tiếp tục phát triển và phát triển với tốc độ nhanh, Đồng Nai cần có sự hỗ trợ của Nhà nước, của các địa phương bạn và các nước trên thế giới

Đồng Nai trong giai đoạn tới là địa bàn trọng điểm ở Nam bộ có vai trò quan trọng về công nghiệp hàng tiêu dùng xuất khẩu và những ngành có hiệu quả kinh tế cao như dịch vụ, may mặc, lắp ráp, đặc sản nông - lâm nghiệp và thủ công mỹ nghệ.

## **NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

Đồng Nai là một trong những trung tâm công nghiệp của khu vực và của cả nước. Đây là vùng kinh tế trọng điểm nằm trên trục Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu, là nơi có các điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp và hiện đã có một khu công nghiệp tập trung nhiều Nhà máy. Cơ cấu kinh tế của Tỉnh là Công - Nông - Lâm và Dịch vụ du lịch, vì vậy việc phát huy thế mạnh hiện có và khai thác tốt tiềm năng mọi mặt để phát triển Công nghiệp là một tất yếu khách quan trong quá trình mở rộng sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường

### **I. VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN TIỀN ĐỀ CHO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

- Về Nông nghiệp : Đồng Nai có đầy đủ các điều kiện thuận lợi về đất đai, thổ nhưỡng, thời tiết, khí hậu để phát triển nông nghiệp, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, là cơ sở cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến với sản lượng hàng năm: Cao su 40000 tấn, bông 5000 tấn, mía 300000 tấn, cà phê 20000 tấn, thuốc lá 10000 tấn, đậu nành 24000 tấn, hạt điều 10000 tấn, bắp 60000 tấn, mì 200000 tấn. Đồng thời nó cũng đòi hỏi công nghiệp trong các vấn đề: cơ giới khâu làm đất, phân bón, thuốc trừ sâu, chất kích thích tăng trưởng, thu hoạch, bảo quản, chế biến, vận chuyển, bao bì là thị trường lớn cho ngành công nghiệp

Rừng Đồng Nai có nguồn lâm sản cho phát triển công nghiệp chế biến gỗ, giấy

- Khoáng sản có khả năng khai thác lớn, chủ yếu cho công nghiệp vật liệu xây dựng như đá, cát, gạch, ngói và đất đồi đủ cho nhu cầu phục vụ trong Tỉnh và cả khu vực.

- Năng lực sản xuất công nghiệp: hiện có hơn 120 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh của địa phương, trung ương các đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài và hàng ngàn cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh, trong đó có nhiều ngành nghề truyền thống và có tiềm năng lớn như sản xuất vật liệu xây dựng, gốm mỹ nghệ, chế biến gỗ, chế biến thực phẩm. Với 72000 lao động, trong đó lao động trong khu vực Nhà nước là 42000 và ngoài quốc doanh là 30000

Đồng Nai đã có hệ thống giao thông thuận tiện, có điều kiện tốt để cung cấp điện, nước, nền móng công trình tốt là những điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp

- Với chính sách mở cửa thu hút vốn và kỹ thuật nước ngoài ngày càng nhiều tạo điều kiện khai thác tốt tiềm năng để phát triển một nền công nghiệp toàn diện

### **II- TIỀM NĂNG HIỆN CÓ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN:**

#### **1- Công nghiệp nhiên liệu năng lượng:**

Hiện trên địa bàn Đồng Nai có Nhà máy Thủy điện trị An công suất 400 MW với sản lượng 1,7 tỷ kWh hằng năm là nguồn cung cấp điện chủ yếu cho phát triển Công nghiệp. Ngoài ra còn có các tổ máy diesel của Nhà máy Nước Hóa An, Khu Công nghiệp Biên Hòa và một số nhà máy có máy phát điện dự phòng riêng. Hướng phát triển là phải xây một nhà máy nhiệt điện lớn, sử dụng khí đồng hành của các giàn khoan dầu ngoài khơi

Bà Rịa – Vũng Tàu công suất từ 600 - 1 000 MW để đáp ứng nhu cầu về điện cho phát triển kinh tế của khu vực.

## **2- Công nghiệp luyện kim đen**

Trên lãnh thổ Đồng Nai có hai Nhà máy luyện cán thép với sản lượng hàng năm 25.000 tấn thép cán và 5.000 tấn thép đúc và đã khai thác hết công suất. Nhưng nhu cầu thị trường thép còn mất cân đối lớn nên hiện nay xí nghiệp VICASA (thuộc Bộ Công nghiệp Nặng) đang liên doanh với Hồng Kông xây dựng một Nhà máy luyện cán thép nữa tại khu Công nghiệp Long Bình. Dự kiến vốn 37,5 triệu USD

## **3- Công nghiệp luyện kim màu:**

Hiện nay trên lãnh thổ Đồng Nai có khả năng sản xuất các sản phẩm dây và cáp điện với sản lượng 35.000 tấn/năm đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển lưới điện trung và hạ thế. Do chất lượng các mặt hàng này đã đạt tiêu chuẩn quốc tế nên đang nghiên cứu khả năng xuất khẩu. Hướng phát triển đối với ngành công nghiệp này là bổ sung các dây chuyên sản xuất, các phụ kiện trong việc xây lắp điện và thiết bị điện

Hiện đang có một dự án đã được cấp giấy phép đầu tư về sản xuất dây đồng và cáp điện vốn 100% nước ngoài, quy mô 7 triệu USD

## **4- Công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị:**

Có hai Nhà máy sản xuất các máy diesel động lực, máy xay xát, phục vụ nông nghiệp. Với sản lượng hàng năm 3000 máy động lực, 2000 máy xay xát

Công nghiệp địa phương tập trung phát triển Nhà máy Cơ khí Đồng Nai và Cơ khí giao thông vận tải nhằm vào dịch vụ kỹ thuật cho phương tiện vận tải và một số ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, vật liệu xây dựng

Hướng chính hiện nay cho nước ngoài mở xí nghiệp 100% vốn để phát triển sản xuất và lắp ráp xe gắn máy, dự án đã được thông qua với vốn đầu tư 55 triệu USD

Công nghiệp cơ khí Huyện : Hiện có 16 cơ sở với hàng trăm điểm dịch vụ sửa chữa nhỏ, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sửa chữa cho các máy móc, động lực nhỏ

## **5- Công nghiệp kỹ thuật điện và điện tử**

Hiện có các Nhà máy:

- VIETTRONICS Biên Hòa: sản lượng hàng năm 10.000 tivi và 25.000 cassette ắc quy Đồng Nai: sản lượng hàng năm 40.000 bình điện

- Chế tạo Thiết bị Điện 4: - Bình điện biến thế 1500 - 2000 cái/năm

- Động cơ điện 1000 cái/năm

- Điện cơ Đồng Nai: Quạt điện 25000 cái/năm

- DONACO : Dự kiến sản lượng hàng năm : Tivi màu 60.000 cái, Cassette 100.000 cái, đầu máy Video 30.000 cái, máy vi tính 5.000 cái. Ngoài ra còn có hàng trăm cơ sở dịch vụ kỹ thuật điện và điện tử. Đây là lãnh vực công nghiệp sản xuất sản phẩm tiêu dùng cao cấp, đang có xu hướng phát triển mạnh

## **6- Công nghiệp hóa chất - phân bón - cao su:**

- Tại Đồng Nai, công nghiệp hóa chất đang là ngành có lợi thế phát triển, nhất là sắp tới đây khi ngành lọc hóa dầu đi vào hoạt động. Hiện tại Đồng Nai có Nhà máy Hoá chất Biên Hòa, Nhà máy Hóa chất Đồng Nai, Xí nghiệp Sản xuất Đất đèn, Cơ sở sản xuất Oxy - Nitơ lỏng, Nhà máy SOVIGAZ sản xuất Acetylen ( $C_2H_2$ ) và Oxy ( $O_2$ ) Nhà máy Bột giặt.

Hướng đầu tư sẽ mở ra các Nhà máy: Sản xuất Soda: 100.000 tấn/năm với 76,760 triệu USD của Úc, nhà máy sản xuất Acid Clorhydric 60.000 tấn/năm, soude 60.000 tấn/năm của tập đoàn VEDAN, các nhà máy nạo ga, khí đốt...

- Công nghiệp phân bón: Hiện có hai Nhà máy là Phân bón Đồng Nai sản xuất phân NPK với quy mô 5000 - 10000 tấn/năm và Nhà máy Super Lân Long Thành 100000 tấn/năm. Khi lọc hóa dầu phát triển dự kiến gọi vốn nước ngoài xây dựng Nhà máy sản xuất phân urê 1 triệu tấn/năm

- Công nghiệp cao su: Hiện nay trên địa bàn có hơn 45000 ha cao su, dự kiến sẽ trồng thêm 10000 ha. Sản lượng hàng năm 30000 tấn cao su phục vụ sản xuất và xuất khẩu.

Về công nghiệp chế biến cao su: Trên địa bàn có Nhà máy Cao su Biên Hòa, Nhà máy Cao su Đồng Nai, Công ty Cao su Màu, hai cơ sở dập vỏ xe có năng lực sản xuất:

- \* Vỏ ruột xe đạp: 4 triệu chiếc
- \* Vỏ ruột Honda: 20000 chiếc
- \* Ủng cao su : 5000 đôi
- \* Dép xốp : 1 triệu đôi
- \* Vỏ máy cày đập : 300 cái
- \* Vỏ ô tô đập : 1000 cái

Ngành này đang đòi hỏi có sự hợp tác đầu tư kỹ thuật và yêu cầu vốn lớn để nâng cao chất lượng và sản lượng sản phẩm

- Công nghiệp Sơn: Có Nhà máy Sơn Đồng Nai đã hợp tác với hãng Sơn IP của Anh, sản xuất 2000 - 3000 tấn sơn chống hà và 500 tấn sơn Alkyd

### **7- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng:**

Là ngành sản xuất truyền thống của Tỉnh dựa trên các điều kiện sẵn có về nguyên liệu, lao động tay nghề cao

Với năng lực sản xuất hiện có, Tỉnh Đồng Nai sản xuất hàng năm:

- 250 triệu viên gạch
- 20 triệu viên ngói
- 600000 m<sup>3</sup> đá xây dựng
- 500000 m<sup>3</sup> cát xây dựng
- 10000 m<sup>2</sup> đá ốp lát
- 12 triệu viên gạch men
- 10000 m<sup>2</sup> gạch granito
- 5 triệu mét tấm lợp fibro ximăng
- 5000 trụ điện bê tông

Ngoài ra còn hàng chục cơ sở nhỏ sản xuất gạch bông, trang trí các kết cấu xây dựng nhỏ đủ điều kiện để đáp ứng nhu cầu xây dựng phát triển nhà ở và kiến trúc đô thị với qui mô lớn

### **8- Công nghiệp chế biến gỗ, lâm sản:**

Với các Nhà máy tổng hợp Chế biến Gỗ Tân Mai, Xí nghiệp Chế biến và Cung ứng Gỗ của Sở Nông Lâm, Xí nghiệp Gỗ Long Bình, Xí nghiệp Gỗ An Bình, Nhà máy Gỗ dán Đồng Nai, Nhà máy Diêm Đồng Nai, Xí nghiệp Chế biến Hàng Xuất khẩu và hàng trăm cơ sở sản xuất đồ mộc dân dụng với tay nghề truyền thống. Hàng năm Đồng Nai sản xuất với khối lượng sản phẩm như sau:

Gỗ xẻ 10.000 m<sup>3</sup>, gỗ dán 8000 m<sup>3</sup>, song mây chế biến: 4000 tấn, đũa xuất khẩu 30000 thùng/tháng hàng mộc 2000 m<sup>3</sup>

Yêu cầu đối với ngành chế biến gỗ là nâng cao giá trị sử dụng của các sản phẩm qua việc tinh chế và tận dụng gỗ nhỏ, vụn

### **9- Công nghiệp Xenlulo và giấy:**

Đồng Nai là nơi có hai nhà máy giấy lớn nhất tại miền Nam : Công ty Giấy Tân Mai: 50000 tấn/năm, Công ty Giấy Đồng Nai : 20000 tấn/năm với trình độ trang thiết bị hiện đại. Hiện nay chưa khai thác hết công suất phát triển, trước mắt nhằm vào khai thác hết công suất của hai nhà máy trên, ngoài ra còn một số cơ sở giấy tư nhân và Nhà nước với công suất 2000 tấn/năm

Về công nghiệp bao bì giấy: Hiện có Nhà máy Bao bì Biên Hòa, công suất 6000 tấn/năm, trước mắt mới khai thác khoảng 2500 tấn/năm. Vẫn còn khả năng mở rộng thị trường nếu sản xuất nông sản thực phẩm xuất khẩu gia tăng

### **10- Công nghiệp sành sứ - thủy tinh:**

Công nghiệp sành sứ chủ yếu tập trung vào mặt hàng gốm mỹ nghệ truyền thống xuất khẩu, thu hút 7000 lao động tạo ra giá trị sản lượng khoảng 4 triệu USD/năm

- Công nghiệp thủy tinh: Sản lượng đèn ống là 1,8 triệu sản phẩm/năm. Chủ yếu khai thác công suất Nhà máy hiện có

- Sản phẩm lu hũ: Sản xuất hàng năm 100.000 cái, chủ yếu cho nhu cầu nông thôn miền Tây Nam bộ

#### **11- Công nghiệp chế biến lương thực:**

Hiện chưa có các cơ sở chế biến lớn, chủ yếu tập trung vào gia công, xay xát nhỏ phục vụ nhu cầu nông thôn. Ngoài ra còn có cơ sở chế biến tinh bột mì, bột báng quy mô nhỏ

#### **12- Chế biến thực phẩm:**

Công nghiệp chế biến thực phẩm đã có một hệ thống các nhà máy sản xuất hiện đại, quy mô lớn như Lộ đường Biên Hòa 70000 tấn/năm: Đường La Ngà 2000 tấn mía/ngày; Sữa DIELAC 7500 tấn/năm; Nhà máy Cà phê 5000 tấn/năm; Bột ngọt 10000 tấn/năm; Thuốc lá Đồng Nai 120 triệu bao/năm, đang mở rộng lên 200 triệu bao/năm; Bia Đồng Nai 10 triệu lít/năm; Đồ hộp Đồng Nai 3500 tấn/năm

Ngoài ra còn hàng trăm cơ sở kinh tế nhỏ tham gia sản xuất các mặt hàng: Chuối sấy, hạt điều, nước chấm, đường thô, bánh, miến và các thực phẩm chế biến khác trong nhân dân

Các Xí nghiệp nước ngoài: sản xuất bột ngọt, tinh bột mì và sản phẩm vi sinh của Tập đoàn VEDAN tại Long Thành đang được xây dựng và đưa vào hoạt động giữa năm 1993 và Công ty Công nghiệp Chế biến Thực phẩm Malaysia với sản phẩm đồ hộp rau quả các loại sẽ chính thức hoạt động trong năm 1993

#### **13- Công nghiệp dệt**

Có Nhà máy Dệt khăn 3000 tấn/năm (liên doanh), Nhà máy Len Biên Hòa 200 tấn/năm. Hướng tới đầu tư đồng bộ từ khâu trồng bông, cán bông xơ, kéo sợi, dệt vải, dệt khăn và may mặc xuất khẩu, do đặc điểm thị trường tiêu dùng và xuất khẩu còn nhiều

#### **14- Công nghiệp may:**

Phát triển công nghiệp may ở Đồng Nai còn mới, hiện tại có 3 xí nghiệp lớn (May Đồng Nai, May Công nghiệp, May Đồng Tiến) với 4500 công nhân và 3 cơ sở nhỏ với hơn 200 công nhân. Với ưu thế thu hút đông lao động, vốn đầu tư thấp sắp tới sẽ có từ 4-5 xí nghiệp may với 100% vốn nước ngoài mở ra ở Đồng Nai, thu hút thêm từ 5000 - 6000 lao động

#### **15- Công nghiệp da, giày dép**

Hiện đang xây dựng một Xí nghiệp liên doanh, dự kiến thu hút 1000 lao động

Hiện có một dây chuyền của Công ty Cao su Màu với quy mô 2000 đôi/ngày

#### **16- Công nghiệp khác:**

- Hiện có 1 Nhà máy nước công suất 24.000m<sup>3</sup>/ngày. Đang lập đề án để gọi vốn đầu tư xây dựng mới 1 nhà máy công suất 100.000 m<sup>3</sup>/ngày để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000

- Công nghiệp chế biến thực phẩm gia súc: hiện có 1 nhà máy chế biến thực phẩm gia súc và đã liên doanh với Pháp mở thêm 1 nhà máy chế biến thức ăn gia súc để phát triển chăn nuôi

Ngoài ra còn có cơ sở xay xát nhỏ: Chủ yếu nghiền bắp, cá, đậu phục vụ cho nhu cầu chăn nuôi quy mô nhỏ

\* \*  
\*

Đồng Nai là Tỉnh có điều kiện để xây dựng và phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp. Nếu được quy hoạch, đầu tư vốn tập trung cho các mũi nhọn: Công nghiệp chế biến nông lâm sản, các ngành may mặc, gốm sứ, công nghiệp hóa chất thì công nghiệp trên địa bàn Đồng Nai sẽ có những bước phát triển lớn mạnh.

**NGÀNH NÔNG – LÂM - THỦY SẢN**



## **I- VAI TRÒ, VỊ TRÍ CỦA NGÀNH NÔNG – LÂM - THỦY SẢN:**

Đồng Nai là tỉnh có nhiều tiềm năng lớn về sản xuất nông-lâm nghiệp và thủy sản, hàng năm đã cung cấp cho xã hội một khối lượng hàng hóa lớn, đa dạng và phong phú về chủng loại

### **1- Nông nghiệp:**

Giá trị sản lượng nghiệp hàng năm chiếm trên 50% giá trị tổng sản phẩm xã hội

#### **1.1- Trồng trọt**

Với diện tích trên 230.00 ha đất nông nghiệp, chim 40% diện tích đất đai toàn Tỉnh, hàng năm đã sản xuất một khối lượng hàng hóa lớn như lúa 215.000 – 220.000 tấn; bắp hạt 55.000 – 60.000 tấn; mì 145.000 – 200.000 tấn; cao su 35.000 – 40.000 tấn; điều 10.000 – 11.000 tấn; cà phê 20.000 – 25.000 tấn; đậu nành 24.000 – 26.000 tấn; mía cây 280.000 – 300.000 tấn; bông vải 6.000 – 8.000 tấn; thuốc lá 9.000 – 10.000 tấn; chuối tươi 250.000 – 300.000 tấn; trong đó một số cây trồng sản lượng hàng hóa xếp vào loại lớn cả nước như bông vải, thuốc lá) đậu nành, cà phê, chuối

#### **2- Chăn nuôi:**

Với tổng đàn trâu, bò 53.000 – 56.000 con, đàn heo 180.000 – 190.000 con, gia súc, gia cầm 2.400.000 – 2.500.000 con; hàng năm cung cấp sản lượng thịt hơn 20.000 tấn, trong đó trâu, bò 2000 tấn, heo 15.000 – 16.000 tấn, gia súc gia cầm 2000 tấn. Bước đầu chỉ mới cung cấp cho tiêu dùng, Tỉnh có chủ trương phát triển đàn gia súc gia cầm, chế biến xuất khẩu thịt cho những năm về sau

#### **3- Lâm nghiệp:**

Với diện tích rừng và đất rừng khoảng 108.000 ha – 200.000 ha, trong đó có rừng nguyên sinh Nam Cát Tiên diện tích hơn 35.000 ha. Trong diện tích rừng và đất rừng, rừng tự nhiên 98.000 – 100.000 ha, rừng trồng 35.000 – 37.000 ha, ngoài tác dụng môi sinh môi trường, phòng hộ Hồ Trị An, phòng hộ nông nghiệp hàng năm có khả năng cung cấp ổn định 10.000 – 20.000 m<sup>3</sup> gỗ tròn các loại, 1 triệu cây tre lồ ô, 67.000 m<sup>3</sup> gỗ rừng trồng các loại...

#### **4- Thủy sản:**

Với diện tích mặt nước 38.000 – 40.000 ha trong đó hồ đập lớn 35.000 ha, là tiềm năng lớn của Tỉnh Đồng Nai để phát triển ngành thủy sản. Hiện nay tuy chưa được đầu tư và phát triển đúng mức nhưng vừa qua đã cung cấp khoảng 2000 - 2500 tấn thủy sản, trong đó có một số loại có giá trị xuất khẩu cao, đang được ưa chuộng trên thị trường thế giới như cá bống tượng, tôm càng xanh, tôm sú, cá chình

## **II- ĐỊNH HƯỚNG CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 1993 - 1995 VÀ NHỮNG NĂM SAU:**

### **1- Nông nghiệp:**

#### **1.1 Trồng trọt:**

Định hướng chung là quy mô và tốc độ phát triển phù hợp với quy mô về năng lực của các đơn vị chế biến, hình thành những vùng nguyên liệu ổn định từng bước thay đổi chủng loại giống có năng suất, chất lượng cao

Nhóm cây nông sản chủ yếu là nguyên liệu chế biến trong Tỉnh và cho cả nước:

+ Cây bông vải: Diện tích năm 1992 là 8000 ha, sản lượng 6000 - 8000 tấn bông hạt, định hướng năm 1995 là 15.000 – 17.000 ha với sản lượng 17.000 – 20.000 tấn bông hạt, trong đó vùng nguyên liệu tập trung 13.000 – 15.000 ha ở các Huyện Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Long Khánh, Thống Nhất, Long Thành và Thị xã Vĩnh An

+ Cây thuốc lá: Diện tích ổn định từ năm 1992 là 9000 – 10.000 ha, sản lượng 9.000 – 10.000 tấn, trong đó vùng nguyên liệu tập trung 6000 - 7000 ha ở các Huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất. Những năm sau chủ yếu chuyển giống thuốc lá địa phương sang giống thuốc lá thơm (giống ngoại nhập) cao cấp và tìm mọi biện pháp tăng năng suất cây trồng

+ Cây mì: Diện tích năm 1992 là 10.000 – 12.000 ha, sản lượng 150.000 – 170.000 tấn, định hướng năm 1995 : 10.000 – 20.000 ha, sản lượng 350.000 – 400.000 tấn/năm, phân bố hầu hết trên địa bàn Tỉnh. Toàn bộ sản lượng hàng hóa tập trung phục vụ nguyên liệu cho Công ty VEDAN-VIETNAM khi các nhà máy của Công ty đã đi vào hoạt động + Đậu nành, bắp: Diện tích vẫn giữ ổn định như hiện nay: đậu nành 27.000 – 30.000 ha, sản lượng 22.000 – 24.000 tấn vùng nguyên liệu tập trung ở Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Long Khánh, Thống Nhất; cây bắp diện tích 30.000 – 35.000 ha, sản lượng 60.000 tấn phân bố hầu hết trên địa bàn Tỉnh. Hiện đang sử dụng giống bắp nhập ngoại của Thái Lan năng suất cao DK 888 có khả năng nâng sản lượng lên 120.000 – 140.000 tấn ở những năm sau. Nguyên liệu bắp Đồng Nai sẽ phục vụ chế biến thực phẩm, thức ăn ga súc trong nước và xuất khẩu

+ Cây mía: Diện tích năm 1992 : 9.000 – 10.000 ha, định hướng năm 1995 : 10.000 – 12.000 ha, với sản lượng 500.000 – 540.000 tấn, trong đó vùng nguyên liệu tập trung 7000 - 8000 ha ở các Huyện Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất, Thị xã Vĩnh An

Hiện nay trên địa bàn Tỉnh có Nhà máy Đường La Ngà khả năng tiêu thụ 260.000 – 300.000 tấn mía cây/năm. Nhà máy sẽ tiêu thụ toàn bộ lượng mía cây trong vùng nguyên liệu tập trung, phần còn lại các Nhà máy nhỏ ngoài vùng nguyên liệu tập trung sẽ đảm trách tiêu thụ

- Nhóm cây nông sản để xuất khẩu: (Xuất thô, qua sơ chế hoặc chế biến)

+ Cây cà phê: Hiện nay, diện tích định hình 18.000 – 20.000 ha, sản lượng 20.000 – 25.000 tấn, vùng nguyên liệu tập trung 16.000 – 18.000 ha ở các Huyện Xuân Lộc, Thống Nhất, Long Khánh. Hướng tới tiếp tục ổn định diện tích, nâng cao năng suất, chất lượng cà phê bằng cách chuyển giống mới, thông qua chế biến, tạo thị trường xuất khẩu ổn định.

+ Cây điều: Diện tích năm 1992 : 12.000 ha, sản lượng 10.000 – 11.000 tấn, định hướng năm 1995 : 15.000 – 16.000 ha, sản lượng 15.000 – 16.000 tấn, tập trung ở Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú, Định Quán, Long Thành, Long Khánh

Tỉnh hiện có Xí nghiệp Chế biến thực phẩm Xuất khẩu, định hình năm 1995 chế biến 3.000 – 4.000 tấn hạt điều nhân/năm (tương ứng với 9.000 – 12.000 tấn hạt điều thô), phần còn lại các đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu thu mua xuất khẩu ở dạng thô

+ Cây chuối: Diện tích ổn định 7.000 – 8.000 ha, sản lượng 250.000 – 300.000 tấn, vùng nguyên liệu tập trung ở các Huyện Thống Nhất, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc. Hiện Tỉnh đang xúc tiến chương trình liên doanh chế biến bột chuối với UCRAINA, dự kiến thi công lắp đặt dựa vào sử dụng năm 1993, định hình năm 1995 chế biến 480 tấn bột chuối (tương ứng với 7200 tấn chuối tươi), sản lượng còn lại chủ yếu tiêu thụ trong Tỉnh và Thành phố Hồ Chí Minh

## **2- Chăn nuôi:**

Con heo: Tổng đàn heo năm 1992 là 180.000 – 190.000 con, định hướng năm 1995 : 200.000 – 250.000 con, sản lượng thịt hơi 20.000 – 30.000 tấn, trong đó vùng chăn nuôi tập trung là vành đai Biên Hòa và huyện Thống Nhất. Tỉnh đang đẩy mạnh việc nhập giống heo ngoại để cải thiện đàn heo trong Tỉnh và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu nhằm chuẩn bị cho chương trình chế biến thịt xuất khẩu những năm tới

Trâu, bò: Tổng đàn năm 1991 là 53.000 – 56.000 con, định hướng năm 1995 : 60.000 – 70.000 con, sản lượng thịt hơi 5.000 – 6.000 tấn trâu, bò chủ yếu là sử dụng sức kéo nếu thay đổi được tập quán sản xuất, có điều kiện cơ giới hóa nông nghiệp thì sản lượng thịt hơi sẽ tăng lên đáng kể do chuyển trâu, bò từ cày kéo sang nuôi thịt

## **3- Lâm nghiệp:**

**Định hướng khai thác**, tu bổ, nuôi dưỡng rừng tự nhiên đến năm 1995 : 10.000 – 20.000 m<sup>3</sup> gỗ tròn các loại, tập trung ở 4 Lâm trường: Vĩnh An, Mã Đà, Hiếu Liêm, Tân Phú; Khai thác 1 triệu cây tre, lồ ô mun ở Lâm trường Vĩnh An, Lâm trường 600, Lâm trường Tân Phú Khai thác rừng trồng: tràm, bạch đàn, đước, dự kiến đến năm 1995 khoảng 67.000 m<sup>3</sup> lập trung ở Huyện Long Thành, Thống Nhất, Thị xã Vĩnh An

Ngoài việc tác động vào rừng làm cho rừng diễn thế đi lên và có sản phẩm cung cấp cho xã hội, Tỉnh và ngành Lâm nghiệp đã hết sức chú trọng đến công tác quản lý, bảo vệ rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc. Hiện toàn Tỉnh còn khoảng 60.000 ha đất chưa có rừng, tập trung ở các Huyện: Xuân Lộc, Định Quán, Tân Phú, Thị xã Vĩnh An. Cần phải nhanh chóng phủ xanh trong các năm tới

Chế biến lâm sản: hướng tới tập trung tổ chức sắp xếp lại mạng lưới chế biến và đầu tư thiết bị để sản xuất mặt hàng gỗ gia dụng phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu

#### **4- Thủy sản:**

Năm 1992, khai thác mặt nước để nuôi thủy sản 28.000 ha, định hướng năm 1995 đưa diện tích sử dụng mặt nước lên 36.000 – 38.000 ha, trong đó các hồ đập lớn hơn 100 ha như hồ Trị An, Sông Mây, Bà Hào, Đa Tôn chiếm khoảng 34.000 ha. Dự kiến sản lượng 7.000 – 8.000 tấn, trong đó cá bống tượng 1.000 tấn, tôm càng xanh, tôm sú 600 tấn, ngoài ra theo yêu cầu của thị trường mà sẽ nghiên cứu nuôi trồng một số loại thủy sản cho phù hợp

### **III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:**

Để đạt được các mục tiêu trên, cần tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp sau:

#### **1- Nông nghiệp:**

Tiếp tục tổ chức và phân công hợp lý hơn nữa giữa các cơ sở chế biến với vùng nguyên liệu trong việc đầu tư và tiêu thụ sản phẩm

Xây dựng các chính sách đầu tư thích hợp, trong đó chú trọng đến:

+ Đầu tư kỹ thuật, cung ứng vật tư nông nghiệp, thức ăn gia súc đến từng vùng nguyên liệu, từng người sản xuất

+ Đầu tư vốn cho sản xuất bằng các hình thức cho vay, ứng vốn theo khả năng vốn và trình độ quản lý của từng cơ sở chế biến

+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định lâu dài, trong đó chú ý đến việc liên doanh với nước ngoài

+ Đẩy mạnh công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật, mạng lưới thú y và phòng chống dịch bệnh cho cây trồng và vật nuôi

#### **2- Lâm nghiệp:**

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, quản lý nghiêm ngặt quá trình thiết kế và khai thác lâm sản bảo đảm rừng được kinh doanh lâu dài, liên tục, năng suất cao, đồng thời bảo đảm được tính năng phòng hộ thủy điện Trị An

Quản lý và sắp xếp lại các cơ sở chế biến phù hợp với sản lượng khai thác. Đầu tư các thiết bị chế biến tinh chế tận dụng triệt để gỗ, lâm sản khác

Tiếp tục tổ chức vận động dân, đẩy mạnh hợp tác đầu tư nước ngoài, kêu gọi vốn các tổ chức quốc tế về môi sinh, môi trường. Trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi trọc và kinh doanh rừng trồng

#### **3- Thủy sản:**

- Xây dựng các chính sách đầu tư thích hợp: chú ý đầu tư kỹ thuật nuôi trồng, nhân giống, chính sách hỗ trợ vốn cho dân sản xuất

Xây dựng các quy chế quản lý kinh doanh thủy sản cho phù hợp với từng khu vực và đối tượng quản lý kinh doanh

Có chính sách khuyến nông ngành thủy sản thỏa đáng

## **NGÀNH XÂY DỰNG**

Tỉnh Đồng Nai do cấu tạo địa chất đã hình thành nhiều mỏ tài nguyên thiên nhiên có trữ lượng lớn đáp ứng nhu cầu phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng. Ngoài ra

do vị trí địa lý là một tỉnh miền Đông Nam bộ nằm trên trục Quốc lộ 1, giáp với Thành phố Hồ Chí Minh nên là một trong những trọng điểm của Nhà nước trong định hướng phát triển công nghiệp lớn như Khu Công nghiệp lọc hóa dầu, Khu Công nghiệp Long Bình, các cụm công nghiệp dọc Quốc lộ 51 tạo ra một điều kiện phát triển ngành thi công xây dựng lâu dài

Căn cứ vào thực trạng cơ sở vật chất hiện có, để đáp ứng phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh từ nay đến năm 2000. Ngành xây dựng giới thiệu về tiềm năng và các định hướng đầu tư của ngành như sau:

### **1- TÀI NGUYÊN VỀ ĐÁ**

Qua các tài liệu khảo sát thăm dò sơ bộ các nguồn tài nguyên về đá thiên nhiên ở Đồng Nai có các dạng như sau:

**a. Đá hoa cương (Granite)** : Có khá nhiều ở các núi đá thuộc các địa bàn Thành phố Biên Hòa, Thị xã Vĩnh An, Huyện Tân Phú, Huyện Xuân Lộc. Trữ lượng của các núi đá này khá lớn, chỉ tính phần nổi trên mặt đất cũng có hàng trăm triệu mét khối. Các loại đá này sử dụng làm vật liệu xây dựng rất thông dụng và đặc biệt có thể gia công chế biến thành đá ốp lát xây dựng có chất lượng tốt, độ bền cao.

Các mỏ đá hoa cương đã và đang được khai thác, sử dụng hiện nay có:

- Mỏ đá Hóa An thuộc địa phận Thành phố Biên Hòa
- Mỏ đá Bình Hòa thuộc địa phận Thị xã Vĩnh An
- Mỏ đá Thanh Tùng thuộc địa phận Huyện Tân Phú
- Mỏ đá Núi Le thuộc địa phận Huyện Xuân Lộc
- Mỏ đá Núi Dinh thuộc địa phận Huyện Châu Thành

Các loại đá hoa cương này có chất lượng xấp xỉ nhau nhưng lại có cấu tạo màu sắc thể hiện trên mặt phẳng mài bóng khác nhau, cụ thể như:

- Đá hoa cương ở Bình Hòa khi mài bóng trên mặt phẳng có màu xanh đen gần như đồng nhất. Nhìn gần có thể thấy vài chấm trắng mờ.
- Đá hoa cương ở Núi Le khi mài bóng trên mặt phẳng có màu trắng sáng có đốm lấm lấm chấm đen
- Đá hoa cương ở Thanh Tùng khi mài bóng trên mặt phẳng có màu nâu non xen kẽ vân đen trắng mờ
- Đá hoa cương ở Núi Dinh khi mài bóng trên mặt phẳng có màu đen trắng đậm nét

**b. Đá bazan (mable):** Có rải rác ở các địa phận của Huyện Thống Nhất. Trữ lượng của các loại đá này cũng có đến vài chục triệu mét khối, tập trung nhiều ở địa phận xã Quang Trung, Huyện Thống Nhất. Các loại đá này có thể sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường và đặc biệt thích hợp cho việc xây dựng các công trình chịu áp lực lớn hoặc hay bị va đập, đồng thời cũng có thể sử dụng làm đá ốp lát có chất lượng và độ bền trung bình

Các loại đá bazan đã và đang được khai thác sử dụng hiện nay có:

- Mỏ đá Sóc Lu thuộc địa phận xã Quang Trung, có trữ lượng phần nổi trên mặt đất hàng chục triệu mét khối. Loại đá ở Sóc Lu đã từng được Nhà nước chọn làm vật liệu xây dựng các công trình chủ yếu của Nhà máy Thủy điện Trị An
- Mỏ đá Trảng Bom thuộc địa phận xã Trảng Bom 1, có trữ lượng khoảng 1 triệu mét khối. Loại đá này khi mài bóng trên mặt phẳng có màu đen tuyền đồng nhất

**c. Đá Puzelan:** Có rải rác ở khắp các khu vực thuộc Huyện Thống nhất và Thị xã Vĩnh An có trữ lượng hàng vài chục triệu tấn. Tập trung nhiều ở xã Vĩnh Tân (Vĩnh An) và xã Quang Trung (huyện Thống Nhất) đã có khảo sát thăm dò mỗi nơi có trữ lượng xấp xỉ 10 triệu tấn. Loại đá này dùng làm nguyên liệu phụ gia xi măng. Hiện nay đang được khai thác cung cấp cho Nhà máy Xi măng Hà Tiên

**d. Đá Laterit (đá ong)** : Có rải rác hầu hết các địa phương trong tỉnh, thường cấu tạo hình thành trữ lượng từng túi hoặc từng khoảnh có chiều dày 2-3 mét trên mặt đất. Loại đá này có thể khai thác gia công thành vên gạch xây dựng các công trình phụ như chuồng

trại, tường rào hoặc khai thác làm đường nông thôn rất tốt. Ngoài ra gần đây còn dùng làm chất liệu với đá vôi nung Clinker làm xi măng

## **II. CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT GẠCH NGÓI:**

Nguồn đất sét làm gạch ngói nung có hầu hết ở các địa bàn Tỉnh Đồng Nai. Theo các tài liệu khảo sát thăm dò sơ bộ trữ lượng có nhiều ở các địa bàn như mỏ Hóa An thuộc Thành phố Biên Hòa có trữ lượng xấp xỉ 10 triệu mét khối, mỏ sét Thiện Tân có trữ lượng gần 3 triệu m<sup>3</sup>, các mỏ sét Phú Hội, Phước Tân, Hòa Hưng thuộc Huyện Long Thành có trữ lượng từ 0,5-1 triệu m<sup>3</sup>, các mỏ sét Phú Hiệp, Phú Bình thuộc Huyện Tân Phú, các mỏ sét Xuân Hưng, Suối Khỉ thuộc Huyện Xuân Lộc và mỏ sét Hố Nai 3 thuộc Huyện Thống Nhất. Các mỏ này đều có trữ lượng vài trăm ngàn mét khối. Các mỏ sét đã phát hiện trên, trừ mỏ sét Thiện Tân có chất lượng tương đối tốt, còn thì hầu hết là loại sét gầy chỉ có thể dùng làm nguyên liệu sản xuất gạch. Muốn sản xuất ngói phải sử dụng loại sét ở mỏ sét Thiện Tân hoặc phải pha trộn thêm một lượng sét béo vào lượng sét gầy sẵn có ở các địa phương thì ngói sản xuất ra mới có thể bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng quy định

Các loại mỏ sét đã và đang được khai thác cung cấp cho các cơ sở gạch ngói hiện nay có:

- Mỏ sét Hóa An thuộc địa phận Thành phố Biên Hòa
- Mỏ sét Thiện Tân, Phú Hội, Hòa Hưng thuộc địa phận Huyện Long Thành

Các mỏ sét Thiện Tân (Vĩnh An), Phú Bình (Tân Phú), Hố Nai 3 (Thống Nhất), Xuân Hưng (Xuân Lộc) tuy có khai thác nhưng chỉ sử dụng cho khu vực của địa phương nên sản lượng khai thác chưa nhiều, chỉ từ vài trăm đến một, hai ngàn m<sup>3</sup>/năm

Các xí nghiệp sản xuất ngói hiện gồm một số xí nghiệp quốc doanh, còn lại là các xí nghiệp tư nhân. Sản lượng gạch hằng năm là 250 triệu viên, ngói là 20 triệu viên

## **III- CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG**

Nguồn cát xây dựng chủ yếu tập trung ở dọc sông Đồng Nai với trữ lượng khá lớn và hằng năm dòng chảy có bổ sung thêm. Theo tài liệu khảo sát cho thấy chiều sâu lớp cát dưới lòng sông chỗ ít nhất từ 6-8 mét, chỗ sâu đến 18-24 mét. Chiều rộng lòng sông bình quân 200 mét và chỉ tính chiều dài từ Ngã ba Hiếu Liêm đến Cồn Cỏ Long Thành thì khối lượng cát ở đoạn này có tới hàng trăm triệu mét khối tích lũy. Ngoài ra hằng năm dòng chảy mang cát theo bổ sung thêm cho lòng sông hàng triệu mét khối nữa, cho nên có thể nói nguồn cát xây dựng của Đồng Nai rất dồi dào

Các đơn vị sản xuất kinh doanh cát hiện nay có 3 Xí nghiệp khai thác cát tại Biên Hòa và Long Thành. Sản lượng khai thác hằng năm trên 200.000 m<sup>3</sup>

## **IV- CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT XI MĂNG ĐEN**

Clinker do Nhà máy xi măng Hà Tiên cung cấp đủ bảo đảm sản xuất theo công suất Nhà máy địa phương với số lượng 20.000 tấn/năm

Cơ sở sản xuất xi măng : Hiện có 1 xí nghiệp xi măng (trước là XNLH Vôi - Xi măng Bình Hòa)

## **V- CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC CẤP NƯỚC SINH HOẠT**

### **1- Nguồn nước:**

Nguồn nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất của Thành phố Biên Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh và một số đô thị khác của Tỉnh, chủ yếu sử dụng nguồn nước của sông Đồng Nai. Sông Đồng Nai bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên (Tỉnh Lâm Đồng) chảy xuống do hai nguồn Đa Dung và Đa Nhim, đến đầu hạ lưu lại có hai nhánh sông khác đổ vào là Sông La Ngà và Sông Bé. Sông Đồng Nai có chiều dài gần 400 km ở hạ lưu nước chảy êm và chịu ảnh hưởng của thủy triều phụ thuộc vào thủy triều biển Đông. Mặc dù thủy triều lên xuống hai chu kỳ/ngày nhưng nguồn nước từ đập thủy điện Trị An đến các trạm bơm của Tỉnh không bị nhiễm mặn

- Nguồn nước ngầm : Theo kết quả nghiên cứu thăm dò cho thấy hầu hết các đô thị và cụm dân cư ở Tỉnh Đồng Nai đều có nguồn nước ngầm ở các dạng như tầng chứa nước lỗ hổng, tầng chứa nước khe nứt. Các nguồn nước ngầm có độ khoáng hóa bảo đảm có thể sử dụng làm nước sinh hoạt và trữ lượng nước ngầm có thể sử dụng cung cấp cho các đô thị, cụm dân cư với quy mô nhỏ

## **2- Các đơn vị khai thác cung cấp nước máy hiện có:**

- Công ty Xây dựng - cấp nước Đồng Nai làm nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng các cơ sở cấp nước toàn Tỉnh và hiện đang trực tiếp quản lý Nhà máy Nước Biên Hòa có công suất 24.000 m<sup>3</sup>/ngày, đang cải tạo và mở rộng nâng công suất lên 36.000 m<sup>3</sup>/ngày

Xí nghiệp Cấp Thoát Nước Long Khánh làm nhiệm vụ cấp, thoát nước cho Thị trấn và hiện đang quản lý các trạm bơm nước ngầm có công suất 1 triệu m<sup>3</sup>/ngày

## **VI- THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP:**

### **1- Tiềm năng về nguồn đầu tư XD CB**

Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội từ nay đến năm 2000, Tỉnh Đồng Nai ngoài sự hiện diện của Khu Công nghiệp Biên Hòa với gần 100 cơ sở Nhà máy, Xí nghiệp thuộc Trung ương, thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và thuộc Tỉnh Đồng Nai quản lý, cần thường xuyên duy trì, bảo dưỡng, mở rộng và phát triển trong khu vực Nhà nước đã cho tiến hành quy hoạch xây dựng thêm khu công nghiệp Long Bình, Khu công nghiệp lọc hóa dầu và các cụm công nghiệp hợp tác đầu tư với nước ngoài dọc Quốc lộ 51 đi Vũng Tàu, là nguồn đầu tư xây dựng khá lớn, không chỉ có lực lượng thi công xây dựng của Tỉnh mà còn phải tập trung lực lượng thi công xây dựng của Trung ương và Thành phố Hồ Chí Minh thì mới có thể thực hiện được

Bên cạnh việc phát triển công nghiệp, sẽ phải phát triển các khu dân cư bảo đảm ăn, ở, sinh hoạt cho các khu, cụm công nghiệp này, như đã và đang hình thành các khu dân cư Long Bình Tân để giải quyết cho dân cư làm việc tại các Khu Công nghiệp Biên Hòa và Khu Công nghiệp Long Bình với quy hoạch xây dựng 3000 căn hộ trên diện tích 150 ha, khu dân cư đô thị lọc hóa dầu. Ngoài ra theo nhịp độ phát sinh dân số hằng năm. Nhu cầu phát triển nhà ở từ nay đến năm 2000 cần xây dựng thêm từ 2,5-3 triệu mét vuông nhà ở

### **2- Các đơn vị thi công xây dựng và bao che công nghiệp**

Hiện có 16 đơn vị, trong đó doanh nghiệp nhà nước có 9 đơn vị chủ yếu tập trung ở Biên Hòa với 6 đơn vị, 3 đơn vị ở 3 huyện Long Thành, Định Quán, Long Khánh và 7 đơn vị doanh nghiệp ngoài quốc doanh

## **VII- SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO CÔNG NHÂN KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

Song song với việc hình thành và phát triển ngành Xây dựng Đồng Nai, ngay từ những năm tháng đầu thành lập ngành thì cơ sở đào tạo công nhân kỹ thuật xây dựng cũng được hình thành. Đó là Trường Công nhân kỹ thuật Xây dựng để đào tạo lực lượng lao động chuyên ngành nhằm bổ sung cho lực lượng sẵn có và phục vụ đáp ứng cho nhu cầu phát triển của ngành

## **VIII- HƯỚNG ĐẦU TƯ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH**

Căn cứ vào xu hướng phát triển kinh tế chung và nhu cầu của thị trường xây dựng, căn cứ thực trạng cơ sở vật chất của mình, ngành Xây dựng Đồng Nai khuyến khích việc đầu tư cải tiến, đổi mới công nghệ, áp dụng KHKT vào việc phát triển ngành trong thời gian tới theo hướng như sau:

1- Chú trọng khuyến khích việc đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm VLXD, tập trung các khâu:

- Sản xuất gạch, ngói nung: Các thiết bị máy móc làm đất, tạo hình và lò nung của các thành phần kinh tế trong Tỉnh hầu hết cũ kỹ, lạc hậu, năng suất kém, chất lượng sản phẩm không cao và sử dụng nhiên liệu nung đốt lãng phí không thích ứng với nhu cầu cung ứng trong thời gian tới. Do đó khuyến khích các doanh nghiệp tự bỏ vốn, hoặc liên

doanh, liên kết với các cơ sở sản xuất khác, hoặc gọi vốn đầu tư nước ngoài, tăng cường đổi mới thiết bị gia công tạo hình, đổi mới lò sấy nung, sử dụng chất đốt bằng than đá, dầu, khí đốt

Sản xuất đá xây dựng: Tập trung nâng cao công suất gia công đá dăm, bảo đảm quy cách sản phẩm và độ sạch của sản phẩm. Cần đổi mới hệ thống thiết bị nghiền sàng đá có tính năng hoạt động bền, ít hỏng hóc, thay dần các loại thiết bị hiện có quá già cỗi và lạc hậu

Sản xuất xi măng đen: Mặc dù hiện có nguồn nguyên liệu có chất lượng tốt để làm xi măng nhưng chưa đủ điều kiện để bảo đảm chất lượng xi măng tốt. Thời gian tới cần tập trung đổi mới máy móc thiết bị nghiền sàng, tăng cường chất phụ gia nghiền, để bảo đảm độ xi măng theo tiêu chuẩn, độ đồng đều của các thành phần nguyên liệu cấu tạo thành phần xi măng và nâng cao công suất sản xuất của Nhà máy

2- Tập trung vốn đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước Biên Hòa và kêu gọi vốn đầu tư xây dựng Nhà máy Nước Thiện Tân

Nhà máy Nước Biên Hòa đã có từ lâu, sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng đến nay mặc dù đã có 2 lần đầu tư cải tạo và nâng công suất hiện có là 24.000 m<sup>3</sup>/ngày. Nhưng do đầu tư chưa đồng bộ nên việc sử dụng bị hạn chế và tỷ lệ thất thoát rò rỉ khá cao. Hiện nay Nhà máy đã có luận chứng kinh tế - kỹ thuật cải tạo và mở rộng, nâng cao công suất Nhà máy từ 24.000 lên 36.000 m<sup>3</sup>/ngày Vốn đầu tư xin Nhà nước cấp

Mặc dù có sự cải tạo mở rộng công suất Nhà máy Nước Biên Hòa như trên, nhưng cũng còn nhiều vùng dân cư của Thành phố chưa được cung cấp nước sinh hoạt. Mặt khác, nhu cầu cấp nước cho các khu công nghiệp sẽ phát triển cũng đòi hỏi một số lượng nước phải cung cấp. Do đó, ngành xây dựng đã lập dự án tiền khả thi đầu tư xây dựng Nhà máy Nước Thiện Tân có công suất hoàn thiện 100.000 m<sup>3</sup>/ngày để phục vụ cho các nhu cầu phát triển trong những năm tới với dự án chi phí đầu tư khoảng 22,5 triệu đô la Mỹ, ưu tiên gọi vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện

3- Mở rộng và phát triển sản phẩm xây dựng cao cấp và xuất khẩu: Nhu cầu về đá ốp lát xây dựng làm bằng đá hoa cương đang là xu thế phát triển của yêu cầu xây dựng trong nước và nhu cầu xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Do đó ngành Xây dựng Đồng Nai đã xây dựng một dự án về khai thác và chế biến đá ốp lát có công suất

- Khai thác đá khối xuất khẩu từ 8.000 – 10.000 m<sup>3</sup>/năm

- Cưa xẻ, mài đá ốp lát có chất lượng cao, từ 20.000 – 40.000 m<sup>2</sup>/năm

Với yêu cầu khối lượng và chất lượng trên thì các loại thiết bị máy móc chế tạo trong nước hiện nay chưa thể bảo đảm được, do đó toàn bộ thiết bị máy móc từ khâu khai thác đến khâu gia công, chế biến đều dự kiến gọi vốn đầu tư hợp tác với nước ngoài để thực hiện

## **NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

### **I- VỊ TRÍ CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI:**

Do vị trí địa lý của mình, Đồng Nai là cửa ngõ đi vào Thành phố Hồ Chí Minh. Mọi giao lưu kinh tế Nam Bắc và các Tỉnh Miền Tây đều di chuyển qua Đồng Nai. Đồng Nai còn là điểm nối giữa Nam Tây Nguyên với vùng biển nên có một giá trị đặc biệt quan trọng nhất là trong lãnh vực phát triển kinh tế

Trong chiến lược phát triển kinh tế của cả nước, Đồng Nai nằm trong khu vực được xác định là một trong ba trung tâm phát triển kinh tế quan trọng. Bản thân Tỉnh Đồng Nai đã có một nền kinh tế đa dạng, có nhiều khu công nghiệp lớn, sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh đã hình thành nhiều vùng sản xuất tập trung với sản lượng hàng hóa cao. Hiện nay mỗi năm có hơn 500.000 tấn hàng hóa nhập khẩu và hơn 700.000 tấn hàng được vận tải phục vụ sản xuất -kinh doanh nội bộ và hàng chục triệu lượt người và phương tiện lưu thông qua lãnh thổ. Ngành giao thông vận tải có một tầm quan trọng trong hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho đầu tư phát triển

## **II- HIỆN TRẠNG CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Đồng Nai có mạng lưới giao thông (đường sá, cầu cống) và lực lượng phương tiện vận tải đứng hàng thứ hai trong khu vực, chỉ sau Thành phố Hồ Chí Minh

### **A. MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG:**

#### **1- Đường bộ:**

Tổng chiều dài đường bộ trên lãnh thổ là 956,770 km

- Đường Quốc lộ do Trung ương quản lý là 220,870 km, chủ yếu là đường bê tông, bao gồm :

+ Quốc lộ 1 : Nối liền tuyến Bắc - Nam

+ Quốc lộ 20: Nối liền Lâm Đồng với Đồng Nai (Quốc lộ 1)

+ Quốc lộ 51 : Nối liền Đồng Nai với Bà Rịa - Vũng Tàu

- Đường do Tỉnh quản lý: 736,900 km, 930 chiếc cầu cống, với 2710 mđ

Bao gồm có các tuyến liên tỉnh, Tỉnh lộ, Hương lộ, giao thông nông thôn. Nối liền các địa danh giữa Tỉnh Đồng Nai và các Tỉnh lân cận; giữa các Huyện trong tỉnh, đi vào các vùng kinh tế, dân cư, các vùng khai thác nông, lâm, khoáng sản địa phương

Tổng giá trị tài sản đường bộ địa phương quản lý (theo đánh giá đầu năm 1992) đến hơn 300 tỷ đồng

Mặc dù về mặt chất lượng đường bộ chưa cao do chưa đủ kinh phí đầu tư khôi phục

Nhưng điều nổi bật là mạng lưới giao thông rất thuận lợi trong việc lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân giữa các vùng trong Tỉnh, giữa Tỉnh Đồng Nai với các Tỉnh khác.

#### **2- Đường sắt:**

Tổng chiều dài đường sắt đi qua lãnh thổ là 87,500 km, nằm trên tuyến Bắc- Nam, nối liền Bình Thuận - Đồng Nai - Thành phố Hồ Chí Minh. Có tác dụng vừa phục vụ cho nhu cầu đi lại của nhân dân, vừa vận chuyển những mặt hàng có khối lượng lớn

#### **3- Đường sông:**

Có Sông Đồng Nai dài hơn 101 km (chưa kể các nhánh, rạch). Nối liền từ sông Sài Gòn về khu vực Trị An, Chiến khu D. Với luồng sông này có thể đảm bảo cho tàu 2000 tấn đi vào, nếu thực hiện tiếp công tác khơi luồng, có thể tàu lớn 6-10-12.000 tấn đi vào tới trung tâm Tỉnh Đồng Nai

#### **4- Cảng, bến bãi:**

Đồng Nai đã xây dựng, tổ chức một hệ thống cảng sông, biển, bến, bãi đường bộ và đường sông tương đối hoàn thiện, nhằm đáp ứng cho việc bốc xếp vận chuyển. Trong đó có Cảng Đồng Nai với công suất 325.000 tấn hàng thông qua cảng mỗi năm

Ngoài ra, trên lãnh thổ Đồng Nai còn có một sân bay thuộc vào loại lớn của cả nước (Sân bay Biên Hòa)

## **B- THỰC TRẠNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

### **1- Phương tiện vận tải đường bộ**

Theo số đăng bộ, toàn Tỉnh Đồng Nai có 6025 xe vận tải các loại Trong đó:

- Xe vận tải hàng hóa : 3.180 cái = 17.327 tấn phương tiện

- Xe vận tải hành khách : 2.837 cái = 45.481 ghế

Toàn bộ số phương tiện vận tải đường bộ trên, tới 80% là xe có thời gian sử dụng trên 20 năm

### **2- Phương tiện vận tải đường thủy:**

- Đường sông : Hiện có 13 tàu kéo, ứng với 1300 CV, 29 xà lan 9.300 tấn phương tiện. Ngoài ra còn có ghe chở hàng 199 chiếc = 913 tấn phương tiện ghe chở khách : 26 chiếc = 833 ghế

- Đường biển : Tỉnh đang khai thác một đội tàu biển, vận chuyển trong khu vực Đông Nam Á, trọng tải là 800 tấn

Với thực trạng phương tiện vận tải đường bộ và đường thủy hiện nay, mặc dù cần phải đầu tư đổi mới trang thiết bị, phát triển thêm phương tiện vận doanh có hiệu quả,



nhưng trước mắt đối với Tỉnh Đồng Nai tạm thời đáp ứng được nhu cầu vận chuyển trong Tỉnh và tham gia khu vực, cũng như cả nước

### **C- MỘT SỐ CÔNG VIỆC KHÁC CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI:**

Ngoài hiện trạng mạng lưới, phương tiện nêu trên, Ngành Giao thông vận tải Đồng Nai còn có lực lượng thi công các công trình giao thông, có thể làm những công trình có yêu cầu kỹ thuật cao như : đường, cầu bê tông. Giá trị thi công hằng năm đảm nhận được từ 10 - 15 tỷ đồng (giá 1992)

Ngành có hệ thống Nhà máy, xưởng, garage sửa chữa cơ khí giao thông vận tải. Đủ đảm trách các dịch vụ sửa chữa, tân trang xe máy và thiết bị giao thông vận tải. Bên cạnh những ngành nghề trên, còn có Trường Đào tạo Công nhân Kỹ thuật Giao thông Vận tải thuộc hệ chính quy, nằm trong hệ thống dạy nghề quốc gia. Khả năng hằng năm có thể đảm bảo đào tạo 400-500 học sinh

### **III- NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Xác định ngành Giao thông Vận tải là ngành nằm trong cơ cấu cơ sở hạ tầng, hoạt động của ngành mang tính chất phục vụ là điều kiện ban đầu cần thiết cho sự phát triển kinh tế

Để ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu của việc phát triển kinh tế trong giai đoạn tới, Ngành Giao thông Vận tải phải có một số biện pháp và nhiệm vụ như sau:

\* Tiến hành hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới giao thông vận tải để phù hợp với yêu cầu chung. Không ngừng nâng cao năng lực, chất lượng của các công trình thuộc mạng lưới giao thông đường sá, cầu cống. Trước mắt, cần nâng cấp toàn bộ hệ thống đường Tỉnh, liên Tỉnh, phấn đấu trong 5, 10 năm có hệ thống đường bê tông từ cấp 11 trở lên. Bên cạnh đó chú trọng các tuyến đường nông thôn vào các vùng kinh tế mới, vùng dân tộc ít người với phương châm "An toàn, thông suốt"

\* Tham gia cùng với Nhà nước, khu vực, thiết lập quy hoạch các tuyến đường cấp cao, đường sắt và các công trình giao thông khác trên địa bàn

\* Tăng cường quản lý khoa học - kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật mới, nhằm không ngừng tăng hiệu quả toàn ngành. Cần gấp rút tìm mọi biện pháp thay đổi năng lực phương tiện vận tải theo kỹ thuật tân tiến, nhằm loại bỏ dần những phương tiện đã cũ, lạc hậu

\* Phấn đấu tăng năng lực vận tải biển, trong vài ba năm tới sẽ phải có 3-4 đội tàu biển (2000 - 2500 tấn phương tiện). Như vậy mới đáp ứng được yêu cầu vận chuyển hàng xuất nhập khẩu của Tỉnh và khu vực

\* Thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước, tiến hành sắp xếp lại toàn ngành, xác lập các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động có hiệu quả và các tổ chức ở hình thức khác như Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân nhằm huy động mọi nguồn nhân, tài, vật, lực có thể được để đưa ngành đi lên đúng tầm cỡ

\* Một trong những biện pháp vô cùng quan trọng là khuyến khích kêu gọi đầu tư nước ngoài bằng các hình thức:

- Liên doanh, vốn nước ngoài 100%
- Mua bán thiết bị, phương tiện ngành
- Viện trợ của các tổ chức, cá nhân các nước đầu tư vào các công trình giao thông
- Trao đổi công nghệ

Trong các lĩnh vực vận tải, chính trang đổi mới công trình giao thông, khơi thông luồng tuyến cả bộ và thủy.

## **NGÀNH THƯƠNG MẠI – DU LỊCH**

Ngành Thương mại - Du lịch được hình thành rất sớm, trong quá trình hoạt động ngành đã từng bước thích ứng với yêu cầu của thị trường, cơ chế chính sách của Nhà nước, đã và đang có đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của Tỉnh. Hiện nay toàn ngành gồm có 12 đơn vị với hơn 1400 lao động và hệ thống hợp tác xã mua bán gồm 23 cơ sở

Hoạt động của Ngành bao gồm các lĩnh vực: kinh doanh xuất - nhập khẩu, kinh doanh Nội thương, kinh doanh Du lịch và hệ thống Hợp tác xã Mua bán

Trong những năm qua, hoạt động của ngành cũng đã có những chuyển biến tích cực, đã điều chỉnh hoạt động kinh doanh từng bước thích ứng cơ chế thị trường

Kinh doanh xuất nhập khẩu: Kim ngạch xuất - nhập khẩu năm 1990 : 55 triệu USD, năm 1991 : 50 triệu USD, năm 1992 : 53 triệu USD và dự kiến đến 1995: 80 - 100 triệu USD. Những mặt hàng thế mạnh và chủ lực của Tỉnh gồm:

- \* Cà phê : 15 – 18.000 tấn
- \* Cao su : 5 – 7.000 tấn
- \* Hạt điều : 5 - 10.000 tấn
- \* Đậu nành : 5 – 10.000 tấn
- \* Bắp hạt : 10 – 20.000 tấn
- \* Hàng thủ công, mỹ nghệ: 2 - 5 triệu USD
- \* Hàng mộc tinh chế : 2 - 3 triệu USD
- \* Hàng may mặc : 4 triệu USD

Hàng nhập khẩu chủ yếu là vật tư phục vụ cho nhu cầu sản xuất: phân bón, xăng dầu, các loại hóa chất, máy móc công nghiệp, nông nghiệp

Thị trường này càng được mở rộng ra các nước như Trung Quốc, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông, Pháp, Nhật Bản, Cộng hòa Liên bang Nga, Ucraina,

- Kinh doanh Du lịch: Doanh số năm 1991 : 10,2 tỷ đồng tương đương 1,5 triệu USD, năm 1992 : 25 tỷ đồng tương đương 2,5 triệu USD. Dự kiến mục tiêu năm 1995 : 70 - 80 tỷ đồng tương đương 7 - 8 triệu USD. Hệ thống cơ sở vật chất bao gồm 3 nhà hàng - khách sạn lớn: Khách sạn Hòa Bình, Khách sạn Đồng Nai, Khách sạn Vĩnh An với hàng trăm phòng kang trang, đủ tiện nghi phục vụ khách trong và ngoài nước và nhiều nhà hàng nhỏ ở hầu hết các Huyện, Thị, Thành phố Biên Hòa. Đồng thời với hệ thống tuyến điểm tham quan phong phú, đa dạng, đầy sức hấp dẫn như

\* Vùng rừng nguyên sinh Nam Cát Tiên: Với diện tích trên 35.000 ha bao gồm một quần thể động vật, thực vật nguyên sinh đa dạng, phong phú và quý giá, có nhiều động vật quý hiếm như : Voi, bò rừng, trâu nước, tê giác

\* Mộ cổ Hàng Gòn: Là di tích lịch sử được xếp hạng, xuất hiện cách nay khoảng 2.500 năm

\* Khu du lịch công viên K4: là khu công viên nhân tạo được dựng cách nay khoảng 20 năm, tiêu biểu cho tinh thần cần cù, óc sáng tạo, bàn tay khéo léo của con người

\* Khu du lịch Bửu Long: là một cụm du lịch đa dạng bao gồm: hồ Long Ẩn với diện tích trên 10 ha với cảnh vật nhân tạo được bố trí hài hòa và kỳ thú; núi thấp Bửu Long và chùa cổ Bửu Phương là nơi tham quan đầy sức hấp dẫn

\* Khu du lịch ven sông Đồng Nai với chiều dài trên 200 km chảy uốn khúc qua các vùng của Đồng Nai, dọc theo hai bờ sông là nhiều làng mạc và các đảo nhỏ tạo nên cảnh đẹp vừa hoành tráng vừa hiền hòa nên thơ

Tiềm năng Ngành Du lịch Đồng Nai còn rất lớn. Tỉnh và Ngành đã, đang có chương trình gọi vốn đầu tư trong, ngoài nước để quy hoạch và khai thác đúng mức tiềm năng này. Kinh doanh Nội thương và Hợp tác xã Mua bán:

Doanh số bán năm 1990 : 112 tỷ đồng (tương đương 26,6 triệu USD), năm 1991 : 120 tỷ đồng (tương đương 17,5 triệu USD), năm 1992 : 260 tỷ đồng (tương đương 26 triệu USD), dự kiến mục tiêu năm 1995 : 400 - 450 tỷ đồng (tương đương 40 - 45 triệu USD). Mặc dù doanh số trong những năm gần đây tăng chậm, nhưng đã có chuyển phương

thức kinh doanh thích ứng với cơ chế thị trường. Các doanh nghiệp quốc doanh từng bước được củng cố về tổ chức, bộ máy và quy mô kinh doanh để trở thành những trung tâm tạo nguồn hàng, kinh doanh bán buôn những mặt hàng chủ yếu và tổ chức dự trữ đủ mạnh để đủ sức chi phối thị trường, đồng thời gắn bó với hệ thống Hợp tác xã mua bán để tổ chức bán lẻ rộng rãi hàng hóa tiêu dùng cho nhân dân.



## **GIỚI THIỆU & ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI**

1. Thành phố Biên Hoà
2. Huyện Định Quán
3. Huyện Long Khánh
4. Huyện Long Thành
5. Huyện Tân Phú
6. Huyện Thống Nhất
7. Huyện Vĩnh An
8. Huyện Xuân Lộc

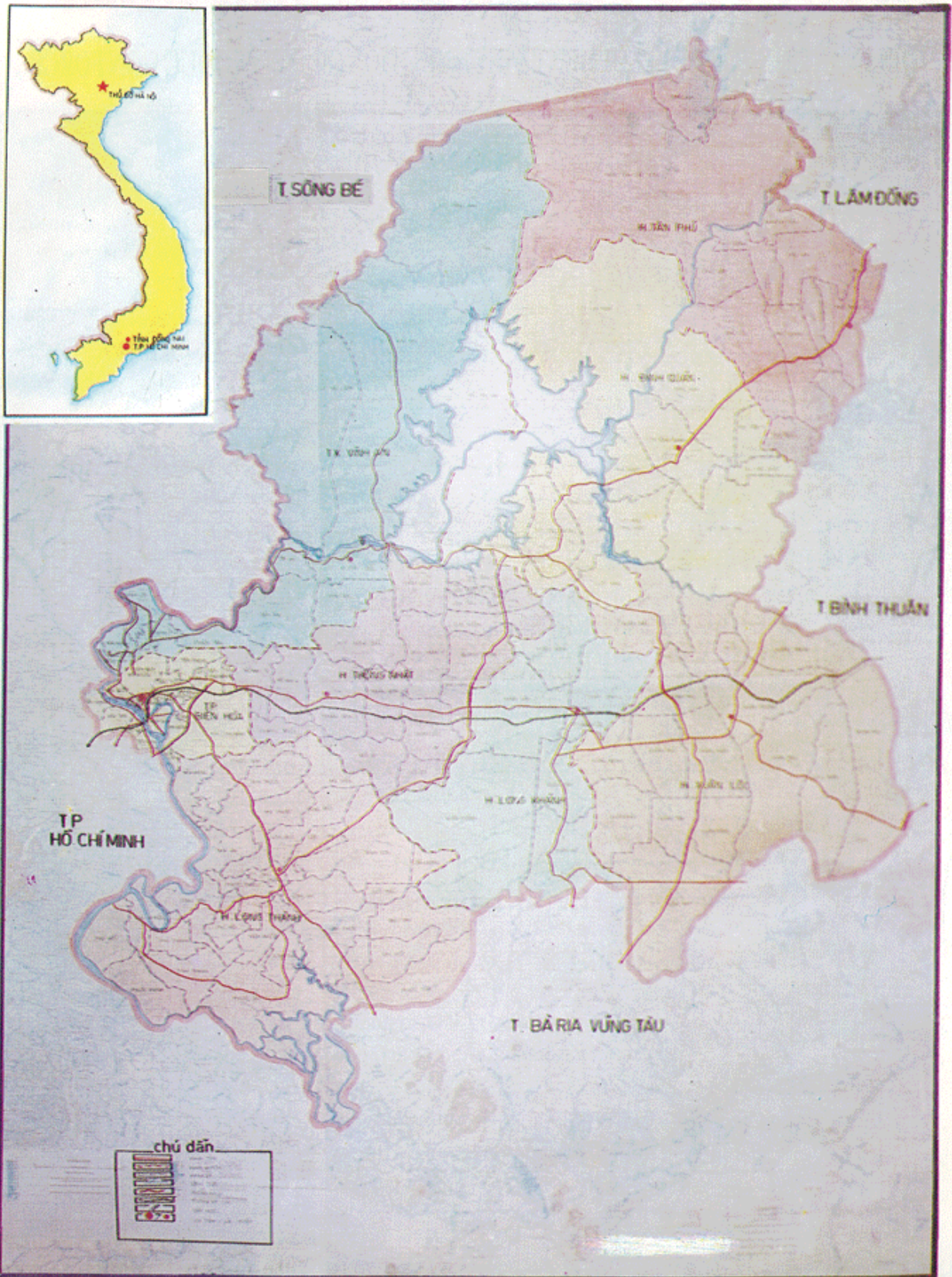
## **INTRODUCTION OF & ADMINISTRATIVE ORGANISATIONS OF DONG NAI PROVINCE**

1. Bien Hoa city
2. Dinh Quan District
3. Long Khanh District
4. Long Thanh District
5. Tan Phu District
6. Thong Nhat District
7. Vinh An Town

## 8. Xuan Loc District

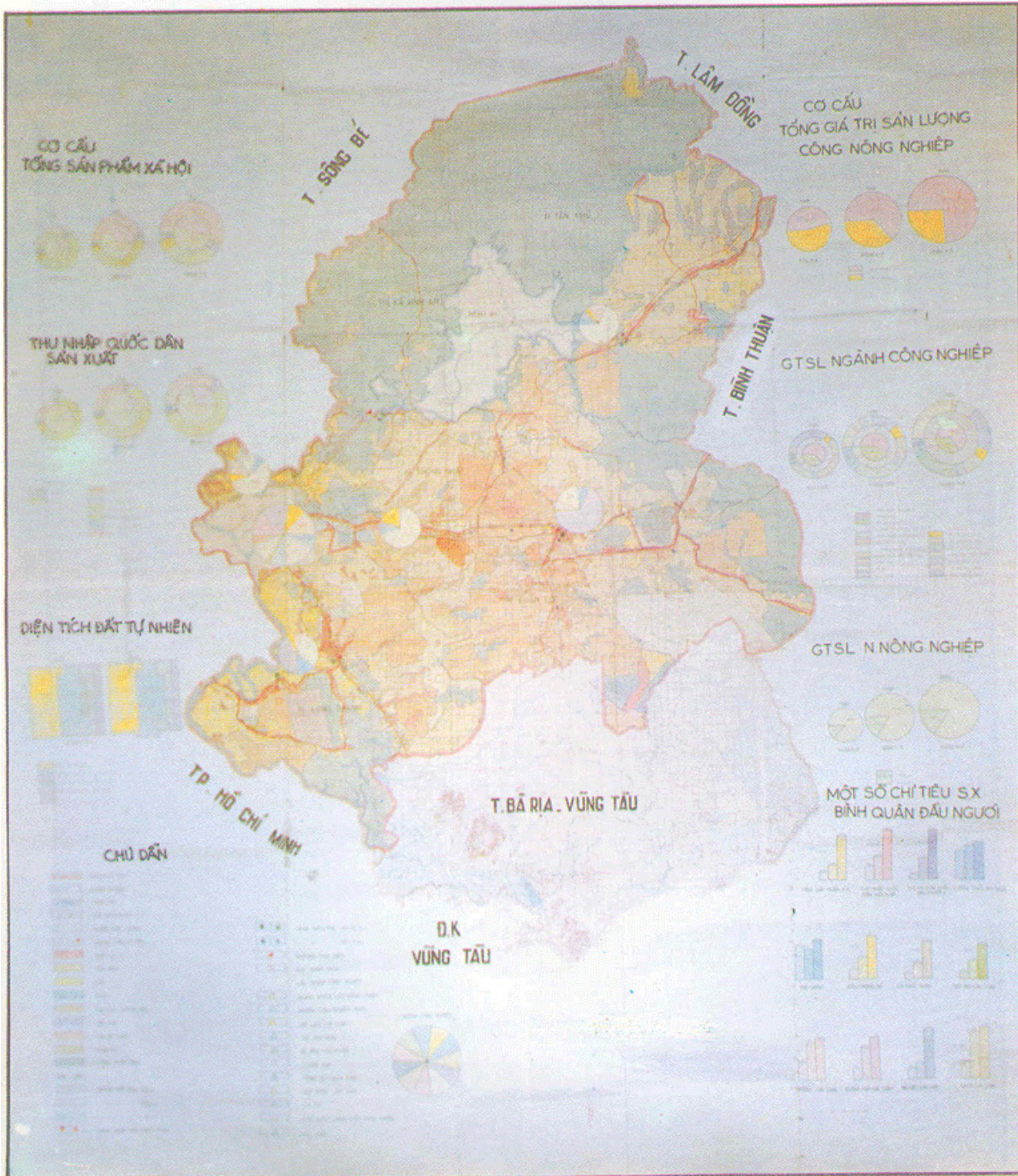
# BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI

## ADMINISTRATIVE MAP OF DONG NAI PROVINCE



# PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN & PHÂN BỐ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

ORIENTATION FOR DEVELOPMENT & DISTRIBUTION OF THE PRODUCTION FORCE



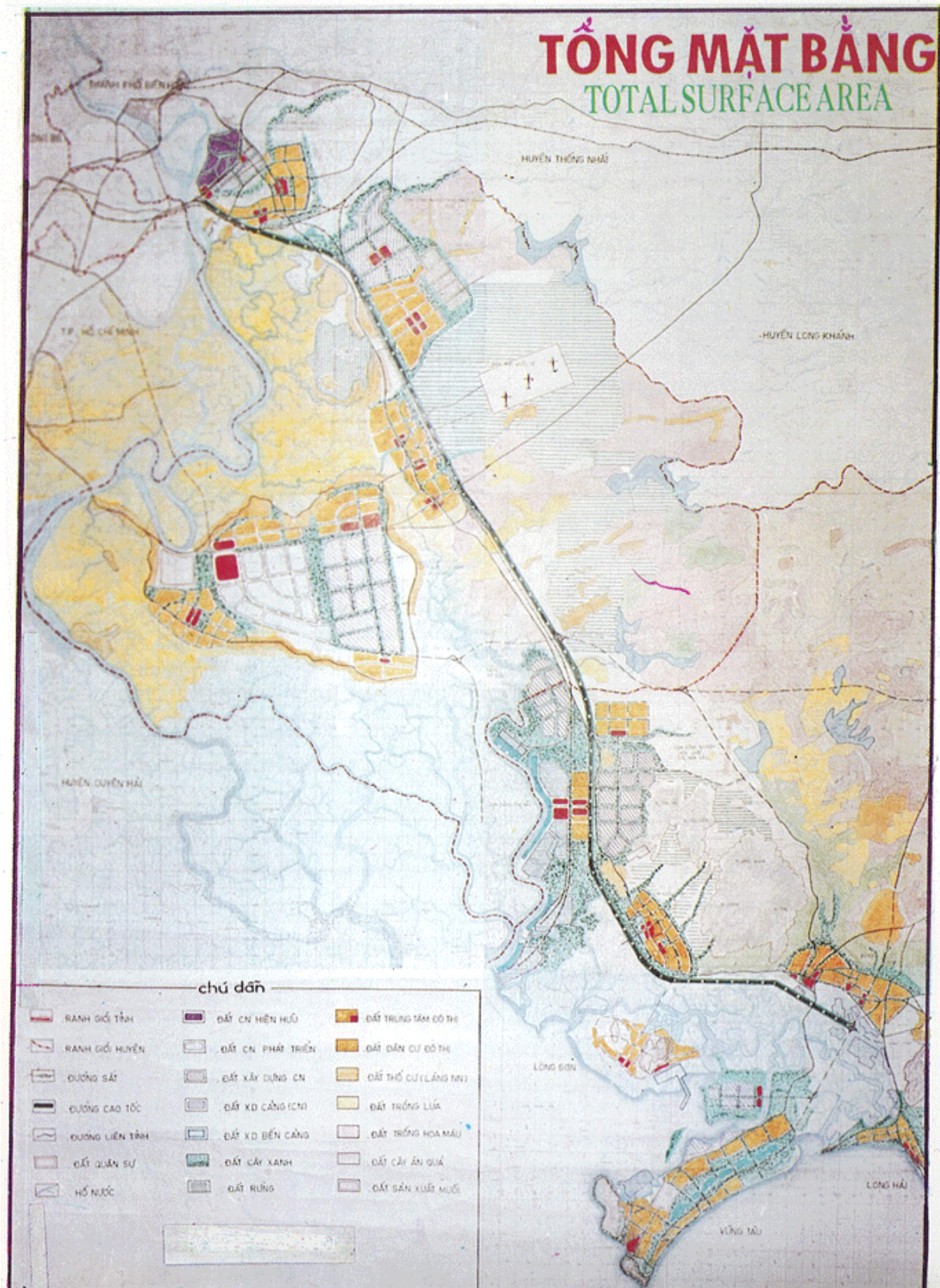
# MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG THỦY LỢI

## NETWORK OF COMMUNICATIONS & IRRIGATIONS



# SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC & KHAI THÁC KHÔNG GIAN HÀNH LANG QUỐC LỘ 51

SCHEMA OF THE ORIENTATION FOR THE ORGANISATION  
& EXPLOITATION OF ROUTE 51'S AIR SPACE





# CONTENTS

- Introduction
- Foreword
- A. General introduction of Dong Nai Province & Sections B. Introduction of 8 administrative organisations of Dong Nai province
- C. Potentiality of state business sector ( 116 units)
- D. Potentiality of foreign investment sector (22 units)
- E. Projects under priority for foreign investment on the territory of Dong Nai Province
- F. Introduction of activities & pictures of trading production units in the territory of Dong Nai Province
- G. List of private business sector (421 units )
- H. Annex - Index

## INTRODUCTION

The Dong Nai Province's Planning Committee has organized the gathering of documents compiling and publishing the book "Dong Nai Potentialty and Investment Oppartunity" at a point of time which the market economy is demanding coercively that economic relations, technology renovation must be subect ta expansion with a view to step up productional trading activities. Dong Nai is a province with plenty of potentiality that is not yet exploited and actually is drawing investor's attention from many countries.

Desirous this book as a means of efective aid to help investors, businessmen, production enterprises, managerial - consultan and service organisms look for business appartunities, exchanges, trading of technology and making a close study of Dong Nai Province.

It is necessary the book should continue to improve, supplement its contents. This is an indispensable requirement regarding govermental and professional bodies of the Province as well as units being introduced.

Hoping that the book will have good effect and a worthy position among documents for management and study of a great number of readers.

**HEAD OF THE PEOPLE'S COMMITTEE OF DONG NAI PROVINCE**

**MR. HUYNH VAN BINH**

## FOREWORD

The opening and renovation policy of Vietnam's economy passing through a space of time has already attracted the countries on the world among them. Dong Nai is one of the provinces that is of interest for many investors - Looking for business

opportunities though they were, foreign visitors still did not have much documents to understand the region and its people, as well as not having enough information to know thoroughly about natural resources and their attraction regarding life while Dong Nai together with the whole country put themselves in tune with the international community

In face of the above need, with the desire to present in a general outline the potentiality and economic activities of the Province with a view to step up faster the process of calling capital for investment co-operation from domestic and overseas investors

The Planning Committee of Dong Nai Province with the collaboration of the Center for Scientific and Technological Information in HCM City has carried on the gathering of information and compiling the book “Dong Nai - Potentiality and Investment Opportunity”. The book was edited in accordance with the method for scientific and technological information, succinct and comprehensive consisting of:

- Articles of general view about Dong Nai, potentialities of industry, agro-forestry, aquaproduct, communication and transport, construction, commerce and tourism
- Information on technology of almost all business of every economic sectors existing on the territory of Dong Nai Province
- Introduction of localities, production, trading units in Dong Nai
- Projects with priority in investment that has already and in the future been brought into being in the period from now to the year 2000

We sincerely thank all of enterprises, factories, companies, production and trading units from economic sectors on the territory of the Province which has warmly contributed in information as well as aids to this volume of document. Sincerely thank the Province’s Party, People’s Committee of the Province altogether with offices, sections, People’s Committee of districts, town, city that have contributed ideas as well as provided conditions for us to complete this volume of document

It is because that the work is still new, with limited experience hence mistakes should be made we hope very much to receive the highly valuable contributed opinions of readers inside and outside of the country.

## **THE PLANNING COMMITTEE OF DONG NAI PROVINCE**

### **GENERAL INTRODUCTION OF DONG NAI PROVINCE & SECTIONS**

- Brief introduction of Dong Nai
- General features of section :
  - Industry
  - Agriculture, Forestry, Fishery
  - Construction
  - Communication & Transport
  - Commeree & Tourism
- Map

- Administrative map of DN Province
- Orientation for development & distribution of the production foree
- Network of communications & irrigations
- Orientation or the organization & exploitation of Route 51's air space.

# NATURAL AND SOCIO - ECONOMIC CONDITIONS OF DONG NAI PROVINCE

## I- NATURAL CONDITIONS

### 1- Location:

The Dong Nai Province lies on the southern side of Viet Nam and the Eastern of South Viet Nam. It borders :

- Binh Thuan Province in the East
- Lam Dong Province in North - East
- Song Be Province in North - West
- Ba Ria - Vung Tau Province in the South, Ho Chi Minh City in the West

### 2- Area and population:

Dong Nai has a natural area of 5,864 km<sup>2</sup> with a population to the year 1991, of 1,697,219 inhabitants. The population density is 290/km<sup>2</sup>. The most dense population is Bien Hoa City, with 2,072/km<sup>2</sup> and the lowest is Vinh An Town 80/km<sup>2</sup>

### 3- Administrative divisions:

Dong Nai Province is divided in 8 administrative units consisting of 1 city, 1 town and 6 districts, which are Bien Hoa City (30 km from the center of HCM City to the North - East on Route 1), a socio - economic and political center of the Province; the Vinh An Town with the Tri An Hydroelectric Plant which is the greatest hydroelectric plant of the Southern provinces.

The 6 districts are Thong Nhat Dist., Dinh Quan Dist., Tan Phu Dist., Long Thanh Dist., Xuan Loc Dist. and Long Khanh Dist.

### 4- Topography:

Dong Nai has a midland configuration, a transition from the highland of Southern of Central VN to the South VN plain. The average height is under 100m of sea level. The height has the tendency to lower gradually from North - East to South - West. There are 3 main configurations of terrain:

- Flat configuration: Lower section of rivers with an average height of 5-10m
- Hilly configuration : It is a specific trait of the Province with average height over 45m. The hills often have a round peak, with gently sloping hillside, arranged in the shape of bowl turn upside down alternating with large valleys, as a whole looked like waves and been much cut up
- Low mountain configuration: height over 300m. The slope over 25°. This area covers only under 20% of the natural area

### **5- Soils:**

The soil of Dong Nai has 7 groups of earth, of which neutral bazon red soil, laterite soil, exhausted grey soil and alluvial soil are four main groups of soil, making up 80% of the natural area of the Province. The remaining is other group of uncommon soil as black soil, aluminous saline soil and aluminous soil

### **6- The source of water and hydrography:**

#### *a. The source of surface water:*

Because of its location in a transition zone, therefore Dong Nai has a heavy density of rivers and springs. The whole of the Province has nearly 40 large and small rivers and springs, the most worth mentioning of them are Dong Nai River, La Nga River, Thi Vai River, Dong Tranh River, Buong River.... some main specific traits of Dong Nai:

- Total area of the basins of rivers and springs (p/v): 22,000 km<sup>2</sup>
- Total amount of flowing water: 20 billion m<sup>3</sup>/year
- Average water flow: 485 m<sup>3</sup>/sec.
- Water flow in the dry season: 54m<sup>3</sup>/sec

At present, the hydraulic, hydroelectric works existing in the Province hold back about 2.9 billion m<sup>3</sup> of water to serve agricultural production, the generation of electricity and the remaining nearly 17.1 billion m<sup>3</sup> of water empties into the sea. There is still much need for water in agricultural production specially in the dry season

#### *b. Underground water:*

Through survey and investigation of the geology branch, Dong Nai has been evaluated as a zone with a rather abundant underground water and divided in 3 zones:

- Zone 1: (to the North of the Province): The upper water - bearing stratum fluctuates from 5 to 20m. Average water flow is 40-50 m<sup>3</sup>/h
- Zone 2: (to the West and along the Dong Nai River). The water table shows up at the depth of 20m, the average water flow is 30-40 m<sup>3</sup>/h

On the riverside zone of Dong Nai River, the water table is counted from 2.5 to 3 m. The average water flow is 5-10m<sup>3</sup>/h.

— Zone3: (to the East and South-East): Considered as the poorest zone of the Province in ground water and surface water. At the depth of 20m, some site down to 40m, with only a water flow of 3-6m<sup>3</sup>/h. In general the quality of water is rather good. At present the water table has been exploited on the upper stratum to serve everyday life and production, specially the coffee growing zone

### **7- Climate - weather:**

#### *a. Aerial temperature:*

The mean annual temperature is 25.4<sup>o</sup> - 27.2<sup>o</sup>C

High absolute temperature is 30.8<sup>o</sup>C. Low absolute temperature is 20.5<sup>o</sup>C. The month

with the highest average temperature are December of the year before to April of the year after.

*b. Air humidity:*

Average annual humidity is 83.5%. The rainy season, from May to November, has a high humidity. Low humidity is in the dry season, sometimes under 70%.

*c. Rainfall:*

Mean annual rainfall from 1,800 mm to 1,860 mm . The rainfall is not well distributed after time and space. It's relatively well concentrated and distributed during the 6 months of the rainy season (May - November), but not identical between zones

In the North area of the Province, the rain begins early but ends late and with heavy rain (over 2,000 mm/year), in the South area the rain is late and ends early, rainfall rather low (1,500mm/year). In the rainy season the rainfall takes up over 90% the rainfall of whole year.

*d. Wind:* The main direction of wind of the year is West - South West and North - North East. The West - South West wind blows during the rainy season with an average velocity of 36m/sec. The North - North East blows from November at an average velocity of 2.4m/sec. It is a region with scarcely whirlwind or storm

**II- SOCIO - ECONOMIC SITUATION:**

**1- Population and labour:**

Dong Nai Province is an administrative unit with a population of the high type among 50 provinces, cities of the whole country.

The population of Dong Nai Province is 1,697,219; in which male 834,561 & female 866,837. The forecast population of Dong Nai Province to the year 1992 is 1,744,400; in which male: 857,760 & female : 886,640

**Population from 13 years old up working in the state economic sections of Dong Nai Province (Census data on April 1,1989)**

| ECONOMIC SECTIONS               | TOTAL          |
|---------------------------------|----------------|
| <b>Total</b>                    | <b>664,555</b> |
| 1. Industry                     | 85,555         |
| 2. Construction                 | 13,387         |
| 3. Agriculture                  | 462,103        |
| 4. Forestry                     | 6,695          |
| 5. Communications and transport | 11,208         |
| 6. Post office-information      | 373            |

| ECONOMIC SECTIONS                                    | TOTAL  |
|--|--------|
| 7. Commerce - Material supply                        | 48,942 |
| 8. Other production of material                      | 109    |
| 9. Housing, entertainment , tourism                  | 4,933  |
| 10. Science and services to sciences                 | 520    |
| 11. Education - Training                             | 14,118 |
| 12. Culture - Arts                                   | 967    |
| 13. Health - Social insurance - Sports - athleticism | 5,105  |
| 14. Finance - Credit - State insurance               | 2,171  |
| 15. State management                                 | 4,943  |
| 16. Other non-production of material                 | 1,411  |
| 17. Not - determinated section                       | 1,944  |

## 2- Situation of socio - economic development:

The 1986 - 1990 period was the hardest times of the economy, the average spurt of the gross social products is 3.1%, national income 1.2%. In the year 1990, the industrial output value takes up nearly 38% of the gross social products. On the Dong Nai Province areas, 45 central - run economic units, over 50% of local production - trading units and 22 units with foreign capital are operating in different sections and professions.

From the year 1991 the economy has significal change. Comparing the year 1991 with 1990, the gross social products has increased of 5.9% and national income of 3,3%. In 1992 these indexes have all a higher increase due to the renovation mechanism and the co-operation investment projects with foreign countries entering into production. The industry section structure included within the gross social products has increased; the tourism recently has also significal pace of development, especially an increase of material facilities and annual turnover.

## III- Infrastructure:

### A. Technical infrastructure:

**1- Electricity:** Using the general source of electricity from the whole Southern electric system, in which Dong Nai is one of the big consumers. By the year 1992, on Dong Nai territory there were:

— The Tri An Hydroelectric Plant, capacity 400 MW and output of 1.7 billion of kWh/year.

— The Hoa An Diesel - Electric plant, capacity 5 MW, output 14 mil. kWh/year has been integrated into the national network. Dong Nai was being supplied with electricity through the Long Binh Power Station in 220/110/15 KV, with a capacity of 125 KVA.

The system of intermediate station in 110/15 KV, 110/35/10KV, 10/15 KV, 35/15 KV, 6,3/15 KV with total capacity of 217.6 MVA supplies electricity to consumers in the Province.

The total length of electric network on the Province area consists of : 220 KV network with 170 km, 110 KV with 120 km, 35 KV with 90 km, 15 KV with 400 km.

By 1992, the consumption in electric energy of Dong Nai will be over 400 mil. kWh. Serving mainly the production, services and everyday life (Average of everyday life electricity reaches 60kW/person/year)

## **2- Water supply and drainage:**

Dong Nai has 2 water supply plants, Bien Hoa and Long Khanh, with a total capacity of 30,000m<sup>3</sup>/24h. In which about 80% for everyday life, 20% for production. The pipeline system is mainly distributed among 9 precincts of Bien Hoa City and the Long Khanh Market Town area with a total length of pipe axis of 70km.

The drainage system has declined so that the drainage of water was slow, specially in the rainy season. In the coming orientation, the investment for up grading of water supply capacity and the expanding of the existing water supply capacity is one of the priorities in investment and calling for foreign investments.

## **3- Telecommunication:**

The telephone network within the Dong Nai territory has 2,300 telephone sets. All of districts, towns, Bien Hoa City has been able to make direct liaisons through Ho Chi Minh City's Post Office with provinces inside the country and a number of countries on the world.

By January 1993 the number of telephone sets will attain 5,560 sets and as a prevision for 1995, realise the subscription for direct domestic and international calls.

## **4- Communication and transport**

*a. Bridges, locks, roads:* Dong Nai Province manages 930 bridges and locks with 2,710m in length. The total length of roads on Dong Nai territory is 956,77 km. In it 220.87km are managed by Central Government, 736.9 km by the locality.

The Interprovincial lines, provincial roads, village roads, rural communication are relatively favourable for the circulation of goods and the going of people.

*b. Water way:* There is the Dong Nai River with a main stream of over 101km long connecting with Nha Be River and flowing into the Eastern Ocean, it has a wide flow line, a deep which ensures the going out and coming in of heavy tonnage ships.

*c. Port, wharf, river bank:* Has built and organized a system of river port, sea port, river bank relatively perfect, that is the Dong Nai Port for ships of 2000 tonnes with a capacity of 325,000 tonnes of import-export goods per year

*d. Railway:* The total length of railway running through Dong Nai territory is 87.5km long and lying on the North-South line, connecting Binh Thuan - Dong Nai Province - HCM City.

*e. Air port:* Dong Nai has the Bien Hoa airport which is one of the big airports of the